

Incorporated Educational Institution Tsubouchi School School Information for International Students

Pháp nhân trường học Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi Giới thiệu trường Lưu học sinh

学校法人 坪内学園 留学生 学校案内

CAMPUS GUIDE



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational College

Tsubouchi Integrated Business College

Matsue International Campus

Pháp nhân trường học – Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao Đẳng Kinh Doanh Tổng hợp Tsubouchi

Khuôn viên trường quốc tế Matsue

学校法人 坪内学園 専門学校 坪内総合ビジネスカレッジ 松江国際キャンパス

Step into the Future,
Starting Here.

未来の一步、ここから



TSUBOUCHI GAKUEN Group celebrates its 68th anniversary.

Tập đoàn TSUBOUCHI GAKUEN kỷ niệm 68 năm thành lập

坪内学園グループは、創立68周年を迎えました



TSUBOUCHI GAKUEN
Chief Director
Koichi Tsubouchi

Pháp nhân trường học -
Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi
Hiệu trưởng Koichi Tsubouchi

学校法人 坪内学園
理事長 坪内 浩一

Greetings from the Chief Director and Principal

We would like to express our sincere gratitude for your continued understanding and support for our educational activities. Since its opening in 1987, Vocational College Tsubouchi Integrated Business College has sent more than 5,000 graduates into a member of society. I am very happy that most of our graduates are active in their hometowns in Sanin prefectures. We are striving to educate our students not only by focusing on acquiring highly specialized qualifications, but also by wanting them to play an active role in society. We focus on schools where you can get the joy of learning and enjoy your student life, and we are also focusing on improving the quality of education and the learning environment. We will put more effort than ever into specialized education in each of the 10 departments. We look forward to your continued understanding and support.

Lời chào của Hiệu trưởng

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự đồng hành và hỗ trợ vô cùng to lớn quý vị đối với hoạt động giáo dục của trường chúng tôi. Trường được thành lập vào năm 1987, nhờ sự hỗ trợ của quý vị, Trường Cao đẳng Kinh doanh Tổng hợp Tsubouchi đã giúp hơn 5.000 sinh viên tốt nghiệp bước vào xã hội thực tế. Chúng tôi rất vui mừng khi hầu hết các sinh viên đã tốt nghiệp của chúng tôi đều hoạt động rất tích cực tại các quận sanin địa phương của họ. Chúng tôi mong muốn rằng các sinh viên của chúng tôi sẽ không chỉ tập trung vào việc đạt được các bằng cấp chuyên môn cao mà còn hy vọng rằng họ sẽ đóng một vai trò tích cực trong xã hội. Trọng tâm chính của chúng tôi là ngôi trường nơi sinh viên có thể tận hưởng việc học và là nơi các bạn có thể có một cuộc sống sinh viên vui vẻ, đồng thời chúng tôi cũng dốc toàn bộ tâm sức tập trung vào chất lượng giáo dục, phát triển của môi trường học tập. Chúng tôi sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa, chú trọng vào công tác đào tạo chuyên môn ở mỗi khoa trong 10 khoa. Chúng tôi kính mong tiếp tục nhận được sự đồng hành và hỗ trợ của quý vị từ nay về sau.

理事長・校長あいさつ

平素より、本校の教育活動に対し多大なるご理解とご支援を賜っており心より感謝申し上げます。お陰様で専門学校坪内総合ビジネスカレッジは、1987年の開校以来、約5,000名を超える卒業生を社会へ送り出して参りました。その卒業生のほとんどが地元山陰両県で活躍していることはこの上ない喜びを感じております。学生には、専門性の高い資格取得に力を入れるのはもとより、社会で活躍いただきたいとの願いから教育に邁進いたしております。学ぶ喜びを得られる学校、楽しい学生生活を過ごせる学校を主眼に置き、教育の質・学習環境整備にも注力しております。10学科それぞれの専門教育に対しこれまで以上に力を入れて取り組んでまいります。どうか今後とも皆様方のご理解とご支援を賜りますよう、よろしくお願い申し上げます。

Developing professional human resources through educational collaboration

Since Tsubouchi Integrated Business College collaborates with industry organizations related to our school's departments, it is possible to acquire cutting-edge knowledge and technology.

Phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp thông qua hợp tác giáo dục

Tsubouchi Integrated Business College hợp tác với các tổ chức công nghiệp liên quan đến các khoa của trường nên chúng tôi có thể tiếp thu kiến thức và công nghệ tiên tiến nhất. Ngoài ra, nhờ nhận được sự hướng dẫn từ các chuyên gia hiện tại, sẽ giúp các bạn có thể học hỏi những kiến thức chuyên sâu hơn.

教育連携による プロフェッショナル人材の育成

坪内総合ビジネスカレッジは、本校の学科に関連のある業界団体と連携しているので、最先端の知識、技術を取得することが可能です。また、現役のプロから指導を受けることで、より深い学びが実現します。

Automotive industry representative Đại diện ngành ô tô 自動車業界代表



Chairman **Shigeki Sakurai**
Chairman of the Shimane Prefecture
Automobile Mechanic Promotion Association

Chủ tịch **Shigeki Sakurai**
Chủ tịch Hiệp hội xúc tiến cơ khí ô tô tỉnh Shimane

櫻井 誠己 会長
一般社団法人島根県自動車整備振興会 会長

Representative of economic organization Đại diện tổ chức kinh tế 経済団体代表



Chairman **Ichiro Kubota**
Chairman, Shimane Prefecture
Management Association

Chủ tịch **Ichiro Kubota**
Chủ tịch Hiệp hội quản lý tỉnh Shimane

久保田 一朗 会長
一般社団法人島根県経営者協会 会長

IT industry representative Đại diện ngành CNTT IT業界代表



Chairman **Hiroshi Inoue**
Chairman and Representative Director of Shimane
Prefecture Information Industry Association

Chủ tịch **Hiroshi Inoue**
Chủ tịch kiêm Giám đốc đại diện Hiệp hội Công nghiệp
Thông tin tỉnh Shimane

井上 浩 会長
一般社団法人島根県情報産業協会代表理事 会長



Our school has been certified as a " Notification school " and " appropriate School (Class I)" by the Immigration Services Agency of the Ministry of Justice.

1. About Notification school by the Ministry of Justice

This is a Japanese language educational institution that can grant the residence status of "Student".

2.About Proper School (Class I)

The Immigration Services Agency selects educational institutions that properly manage the enrollment of international students as "appropriate schools." Our school has been designated as an " Proper School (class I)" (formerly known as an excellent school for enrollment management), the highest standard among appropriate schools.

The procedure for applying for a Certificate of Eligibility will be simplified.

Trường của chúng tôi đã được Cơ quan Dịch vụ Di trú của Bộ Tư pháp chứng nhận là "Trường thông báo" và "Trường phù hợp (Hạng I)".

1. Về trường Thông báo của Bộ Tư pháp

Đây là cơ sở giáo dục tiếng Nhật có thể cấp tư cách lưu trú là "Sinh viên".

2.Về Trường Đúng (Lớp I)

Cơ quan Dịch vụ Nhập cư chọn các cơ sở giáo dục quản lý hợp lý việc tuyển sinh sinh viên quốc tế là "trường phù hợp". Trường chúng tôi đã được công nhận là "Trường đúng chuẩn (lớp I)" (trước đây gọi là trường xuất sắc về quản lý tuyển sinh), tiêu chuẩn cao nhất trong số các trường phù hợp.

Thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sẽ được đơn giản hóa.

本校は法務省出入国在留管理庁より「法務省告示校」「適正校(クラスI)」の認定を受けています

1.法務省告示校とは

在留資格「留学」を付与することができる日本語教育機関のことを指します。

2.適正校(クラスI)とは

出入国在留管理庁は、留学生の在籍管理が適正に行われている教育機関を「適正校」として選定しています。本校は適正校の中でも最高基準の「適正校(クラスI)」(旧 在籍管理優良校)となりました。

これにより諸申請における提出書類が大幅に簡素化されます。

CONTENTS

Department of International Japanese Language	P.3
Department of International Tourism Business	P.5
Department of IT	P.9
Department of International car Mechanic	P.13
School fees	P.19
Application requirements	P.21
Daily schedule	P.27
Access	P.29
Application Documents	P.32

Nội dung

Khoa tiếng nhật quốc tế	P.3
Khoa kinh doanh du lịch quốc tế	P.5
Khoa Công nghệ thông tin	P.9
Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế	P.13
Các khoản phải nộp	P.19
Hồ sơ ứng tuyển	P.21
Hoạt động một ngày	P.27
Liên hệ	P.29
Hồ sơ ứng tuyển	P.32

目次

国際日本語学科	P.3
国際観光ビジネス学科	P.5
IT学科	P.9
国際自動車整備士学科	P.13
学納金	P.19
出願について	P.21
1日の流れ	P.27
アクセス	P.29
出願書類	P.32



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational

College

Tsubouchi Integrated Business College

Matsue International Campus

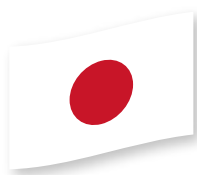


Pháp nhân trường học –

Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao đẳng Kinh doanh tổng hợp Tsubouchi

Khuôn viên trường quốc tế Matsue



Department of International Japanese Language

Khoa tiếng nhật quốc tế

国際日本語学科



Curriculum

1. The curriculums are designed specifically for foreign students to help you study more effectively!
2. A focus on the Japanese Language Proficiency Test will prepare you to pass N2, N3!
3. A supportive environment will prepare you for your continued higher education studies!
4. Here are various classes including Japanese cultural experiences and cultural exchanges with local people!
5. Career guidance consultation is provided for each student, so you can decide on a career path.

Chương trình giảng dạy

1. Chương trình giảng dạy dành riêng cho Lưu học sinh, sẽ giúp học viên học tiếng Nhật hiệu quả hơn.
2. Hướng dẫn luyện thi triệt để với mục tiêu đỗ kì thi năng lực Tiếng Nhật N2, N3
3. Giảng dạy đầy đủ những kiến thức cơ bản chuẩn bị cho việc học lên Cao đẳng, Đại học!
4. Chú trọng việc giảng dạy, tổ chức những buổi giao lưu với người dân địa phương.
5. Có tư vấn cụ thể về hướng đi sau khi tốt nghiệp để mỗi học viên có thể tự lựa chọn cho mình con đường đi phù hợp.

カリキュラム

1. 留学生に特化したカリキュラムで効果的な学習を促します!
2. 日本語能力試験対策を徹底して行い、N2・N3取得を目指します!
3. 進学に備え、充実した準備教育を行います!
4. 日本文化体験、地域との交流など、多彩な授業を実施します!
5. 学生一人ひとりが自分に合った進路選択ができるよう、充実した進路指導を実施します!

This course aims at...

[Gaining entry to higher levels of education at places such as; professional school or technical college]
[Passing the N2 (level 2) , N3 (level 3) Japanese-language proficiency test]

Level up your Japanese language skills in order to pass the language proficiency test to go on to higher education in Japan!

Mục tiêu ngành học...

[Học tiếp lên cao đẳng nghề] [Đỗ N2, N3 Kỳ thi Năng lực tiếng Nhật]

Hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ tiếng Nhật,
đỗ kì thi năng lực tiếng Nhật và học tiếp lên các trường tại Nhật.

学科の目標

[専門学校等への進学] [日本語能力試験N2・N3合格]

日本語力を高め、日本語能力試験の合格と日本での進学を目指します！

Appeals of the course

- An assigned homeroom teacher will support your study.
- Advantageous to higher education :Upon completion of the International Japanese Language course, you will gain preferential access to our specialized professional courses. In this case, you will also be partially exempted from the enrolment exam and the enrolment fee. If you go on to Department of International Tourism Business, Department of IT or International Car Mechanic Department, you will be able to gain Japanese Language capabilities and special knowledge.

Đặc thù của Khoa

- Có chế độ giáo viên chủ nhiệm, tiến hành hướng dẫn cụ thể, tỉ mỉ.
- Thuận lợi cho giáo dục đại học: Sau khi hoàn thành khóa học tiếng Nhật quốc tế, bạn sẽ được ưu tiên tham gia các khóa học chuyên môn chuyên ngành của chúng tôi. Trong trường hợp này, bạn cũng sẽ được miễn một phần kỳ thi tuyển sinh và lệ phí tuyển sinh. Nếu bạn vào Khoa Kinh doanh Du lịch Quốc tế, Phòng Khoa Công nghệ thông tin hoặc Phòng Cơ khí Ô tô Quốc tế, những nơi có thể mạnh về việc làm, bạn sẽ có thể tiếp thu được trình độ tiếng Nhật và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong thời gian ngắn!

学科の特徴

- 担任制を設け、きめ細かな指導を行います。
- 進学に有利:国際日本語学科を卒業もしくは修了した方は、本校の専門課程に優先的に進学できます。その場合、入学金・入学試験が一部免除されます。就職に強い国際観光ビジネス学科、IT学科、国際自動車整備士学科に進めば、短期間で日本語力と専門知識・技術を身に付けることができます！

Timetable example(first year morning class)

Ví dụ về thời gian biểu (năm thứ nhất lớp học buổi sáng) 時間割例(1年次 午前クラス)

	Time	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
1	9:30 11:10	Character vocabulary Từ vựng 文字語彙	Grammar Ngữ pháp 文法	Character vocabulary Từ vựng 文字語彙	Situation in Japan Tình hình nhật bản 日本事情	Grammar Ngữ pháp 文法
2	11:20 13:00	Listening Nghe hiểu 聴解	Reading hiểu 読解	Composition Viết văn 作文	Reading hiểu 読解	Oral expressions Diễn đạt biểu hiện 口頭表現
	13:00~13:45	Lunch break Nghỉ trưa 昼休み				
3	13:45 15:25	General Japanese Tiếng nhật tổng hợp 総合日本語				

Timetable example(first year afternoon class)

Ví dụ về thời gian biểu (năm thứ nhất lớp học buổi sáng) 時間割例(1年次 午後クラス)

	Time	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
1	11:20 13:00	Character vocabulary Từ vựng 文字語彙				
	13:00~13:45	Lunch break Nghỉ trưa 昼休み				
2	13:45 15:25	Listening Nghe hiểu 聴解	1 Grammar Ngữ pháp 文法	Character vocabulary Từ vựng 文字語彙	Situation in Japan Tình hình nhật bản 日本事情	Grammar Ngữ pháp 文法
3	15:35 17:15	General Japanese Tiếng nhật tổng hợp 総合日本語	2 Reading hiểu 読解	Composition Viết văn 作文	Reading hiểu 読解	Oral expressions Diễn đạt biểu hiện 口頭表現

Message from international students

Tin nhắn từ sinh viên quốc tế

留学生からのメッセージ

I decided to study abroad because I wanted to study in Japan's excellent educational system, experience a unique new culture, and acquire a more international perspective. At Vocational College Tsubouchi Integrated Business College, you can learn not only Japanese but also about Japanese life and culture. Also, if you have any troubles while living in Japan, the teachers will be happy to help you. It's a wonderful school, and I'd like many students to come and join us.

Tôi đã quyết định đi du học nhật bản vì tôi muốn học tập theo hệ thống giáo dục phát triển của Nhật Bản, trải nghiệm một nền văn hóa mới độc đáo và tiếp thu quan điểm mang tính quốc tế hơn. Tại Trường Cao đẳng Kinh doanh Tổng hợp Tsubouchi, không chỉ có thể học tiếng Nhật mà còn học cuộc sống về văn hóa Nhật Bản. Ngoài ra, nếu gặp bất kỳ khó khăn nào trong cuộc sống tại Nhật Bản, các giáo viên sẽ ân cần hỗ trợ giúp đỡ. Đây là một ngôi trường tuyệt vời, vì vậy tôi hy vọng có nhiều sinh viên sẽ tham gia cùng tôi.

日本の充実した教育制度で勉強し、独特の新しい文化を体験し、より国際的な視点を身につけたいと思い留学を決めました。坪内総合ビジネスカレッジは、日本語だけでなく日本の生活や文化についても学ぶことができます。また、日本の生活で困ったことがあると、先生方が親身になってサポートしてくれます。すばらしい学校ですので、学生のみなさんにぜひ沢山入っていただきたいと思っています。



TAMANG ASHMITA
TAMANG ASHMITA
TAMANG ASHMITA
(タマン・アシュミタ)



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational
College

Tsubouchi Integrated Business College
Matsue International Campus



Pháp nhân trường học –
Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao đẳng Kinh doanh tổng hợp Tsubouchi
Khuôn viên trường quốc tế Matsue



Department of International Tourism Business



(Ministry of Education)

Khoa kinh doanh
du lịch quốc tế



国際観光ビジネス学科



Classes to help you realize the person who you want to become

Những tiết học để thực hiện nguyện vọng của bản thân

なりたい自分を実現するための授業



[Targeted Qualifications]

- Diploma
- JLPT
- Restaurant service skills test
- MOS (Word)
- MOS (Excel)
- Common Sense Manners Test for Working People Japan basic

[Bằng cấp]

- Diploma
- JLPT
- Kiểm tra kỹ năng phục vụ nhà hàng
- MOS (Word)
- MOS (Excel)
- Kiểm tra cách cư xử thông thường cho người đi làm Japan basic

[目指す資格]

- 専門士
- 日本語能力試験
- レストランサービス技能検定
- MOS(Word)
- MOS(Excel)
- 社会人常識マナー検定 Japan basic

[Main Employment]

- Hotels, inns

[Nơi làm việc/ngề nghiệp chính]

- Khách sạn, khách sạn kiểu nhật

[主な就職先・職種]

- ホテル、旅館

Department of International Tourism Business

Khoa kinh doanh du lịch quốc tế

国際観光ビジネス学科



First year : You will acquire high Japanese language skills and communication skills while learning the basics of business.

Second year : You will acquire specialized knowledge and skills about hotels and inns, and aim to become a professional of customer service. In addition, you will learn the management necessary for hotel management and administration.

Năm thứ nhất: Trang bị kỹ năng giao tiếp, nâng cao năng lực tiếng Nhật và học những kiến thức cơ bản về kinh doanh.

Năm thứ hai: Tiếp thu kiến thức và kỹ năng chuyên ngành liên quan đến khách sạn, khách sạn kiểu Nhật, hướng đến trở thành chuyên viên phục vụ khách hàng. Ngoài ra, học cách quản lý cần thiết cho việc quản lý và điều hành khách sạn.

1 年目 : ビジネスの基礎を学びながら高い日本語力とコミュニケーション力を身に付けます。

2 年目 : ホテル、旅館に関する専門知識や技術を身につけ、接客のプロフェッショナルを目指します。また、ホテルの経営、管理に必要なマネジメントを学びます。

Timetable example(first year)

Ví dụ về thời gian biểu(năm thứ nhất)

時間割例(1年次)

	Time	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
1	9:30 11:10	Restaurant service skill test preparation Luyện thi kỹ năng phục vụ nhà hàng	Business Manners of Japan I Cách cư xử trong kinh doanh I	Professional Practice I Thực hành nghiệp vụ I	MOS Exercises bài tập MOS	Business Japanese Tiếng Nhật thương mại
2	11:20 13:00	レストランサービス技能検定対策	日本ビジネスマナー I	キャリア演習 I	MOS演習	ビジネス日本語
	13:00~13:45	Lunch break		Nghỉ trưa		昼休み
3	13:45 15:25		General Japanese Tiếng Nhật tổng hợp 総合日本語	General Japanese Tiếng Nhật tổng hợp 総合日本語	General Japanese Tiếng Nhật tổng hợp 総合日本語	

Curriculum

Chương trình giảng dạy

カリキュラム

1

First Year Curriculum

Professional Education Subject	• General Japanese I, II	• Business Manners of Japan I	• Work experience training I
Careers Education Subject	• Career seminar I	• Commercial & Society I	• Practical Volunteer
Liberal arts Education Subject	• Business English	• MOS Practice Exercise I	• MOS Practice Exercise II

Chương trình giảng dạy năm đầu tiên

Môn học giáo dục chuyên ngành	• Tiếng Nhật tổng hợp I, II	• Cách cư xử trong kinh doanh I	• Thực hành trải nghiệm công ty I
Môn giáo dục nghề nghiệp	• Thực hành nghiệp vụ I	• Thương mại & Xã hội I	• Tình nguyện viên thực tế
Môn giáo dục nghệ thuật tự do	• Tiếng Anh thương mại	• Bài tập thực hành MOS I	• Bài tập thực hành MOS II

1年次カリキュラム

専門教育科目	● 総合日本語 I、II	● 日本ビジネスマナー I	● 企業体験実習 I
キャリア教育科目	● キャリア演習 I	● 商業・社会 I	● 実践ボランティア
教養教育科目	● ビジネス英語	● MOS実践演習 I	● MOS実践演習 II

2

Second Year Curriculum

Professional Education Subject	• General Japanese III • Restaurant Service Proficiency Test • Front Office and Concierge Operations	• Introduction to Hotel Management • Front Office Services • Work experience training II	• Marketing and Sales
Careers Education Subject	• Career seminar II	• Commercial & Society II	
Liberal arts Education Subject	• Business English	• MOS Practice Exercise III	

Chương trình giảng dạy năm thứ 2

Môn học giáo dục chuyên ngành	• Tiếng Nhật tổng hợp III • Kiểm tra kỹ năng phục vụ nhà hàng • Văn phòng lễ tân và nhân viên hỗ trợ khách hàng	• Tổng quan khách sạn • Dịch vụ lễ tân • Thực hành trải nghiệm công ty II	• Tiếp thị và bán hàng
Môn giáo dục nghề nghiệp	• Thực hành nghiệp vụ II	• Thương mại & Xã hội II	
Môn giáo dục nghệ thuật tự do	• Tiếng Anh thương mại	• Bài tập thực hành MOS III	

2年次カリキュラム

専門教育科目	● 総合日本語 III ● レストランサービス技能検定対策 ● フロント・オフィスとコンシェルジュ	● ホテル総論 ● フロント・サービス ● 企業体験実習 II	● マーケティング・セールス
キャリア教育科目	● キャリア演習 II	● 商業・社会 II	
教養教育科目	● ビジネス英語	● MOS実践演習 III	



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational

College

Yonago Campus

Tsubouchi Integrated Business College



Pháp nhân trường học –
Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao đẳng Kinh doanh tổng hợp Tsubouchi
Khuôn viên Yonago

Yonago Campus Cơ sở Yonago 米子キャンパス



IT Department

Professional Training Program (Accredited by MEXT)

[2-year] Ruby Engineer Course

[4-year] Advanced IT Courses



Khoa Công nghệ thông tin

Chương trình chuyên môn thực tiễn nghề nghiệp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận

[2 năm] đào tạo kỹ sư lập trình viên ruby

[4 năm] Khóa học CNTT tiên tiến



IT学科

部科学大臣認定 職業実践専門課程

[2年制] Rubyエンジニアコース

[4年制] 先端ITコース



Striving to be a proud professional

Phấn đấu trở thành một chuyên gia đáng tự hào 誇り高いプロフェッショナルを目指して。

5 minutes' walk from Yonago Station

Cách ga Yonago 5 phút đi bộ
米子駅から徒歩5分



IT Department [2-year] Ruby Engineer Course [4-year] Advanced IT Courses

Khoa Công nghệ thông tin [2 năm] đào tạo kỹ sư lập trình viên ruby [4 năm] Khóa học CNTT tiên tiến

IT学科 [2年制] Rubyエンジニアコース [4年制] 先端ITコース



Community-based curriculum that incorporates local needs

Even if you're a complete beginner, you can feel confident—our curriculum is designed to help you build a solid foundation from the basics.

Chương trình giảng dạy gắn liền với nhu cầu địa phương và phát triển theo cộng đồng

Chương trình giảng dạy này đảm bảo giúp bạn nắm vững kiến thức cơ bản ngay cả khi bạn bắt đầu từ con số 0, vì vậy bạn có thể yên tâm. Không chỉ là kiến thức và kỹ thuật, mà còn để nâng cao khả năng giao tiếp quan trọng trong các công ty IT, chúng tôi tổ chức lớp học "Quản lý nhóm" để phát triển kỹ năng này. Ngoài ra, thông qua các buổi hội thảo doanh nghiệp trong trường và các lớp học đặc biệt, bạn cũng sẽ có nhiều cơ hội giao lưu với các công ty IT địa phương, giúp bạn hình dung rõ hơn về tương lai của mình.

地元のニーズを取り入れながら地域に密着したカリキュラム

初めてでも基礎的な知識からしっかりと身につけていくカリキュラムなので安心です。知識や技術だけでなく、IT企業で重要なコミュニケーション能力を向上させるために、「グループマネージメント」という授業を行っています。学内企業説明会や「特別授業」の実施などで地元IT企業との接点も豊富にあり、自分自身の将来像をイメージする機会を多く持つことができます。

[Distinctive Classes]

Class.1 / Passing the National Examination

You will learn from the basics in order to pass the Information Processing Engineer Examination (National Examination), which is widely recognized in IT companies. You will learn from the Information Technology Certification Examination (J-Test) - Information Systems Examination, and then use the Basic Information Technology Engineer Examination Completion Certification Examination (Subject A Exemption System), which is equivalent to Level 2 of the national examination, to build up your skills step by step towards passing the examination.

Class.2 / Practical development practice

You will learn the knowledge necessary for programming and smartphone app development using real devices. By designing and developing systems and applications yourself, you can acquire practical skills that are immediately useful in IT companies.

Class.3 / Use and design

You will learn "Ruby" the first programming language in Shimane Prefecture, from the basics to the application. The goal is to build practical web applications using "Ruby on Rails", which is widely used in web applications.

[Các lớp học đặc biệt]

Class.1 / Đạt chứng chỉ quốc gia

Hướng tới việc đạt chứng chỉ kỹ thuật viên xử lý thông tin (kỳ thi quốc gia) được công nhận rộng rãi trong các công ty IT, bạn sẽ học từ những kiến thức cơ bản. Bạn sẽ bắt đầu với kỳ thi kiểm tra thông tin (J-Ken), sau đó học tiếp kỳ thi cơ bản dành cho kỹ thuật viên thông tin, với chương trình miễn trừ môn A trong kỳ thi cấp độ 2 của kỳ thi quốc gia, giúp bạn từng bước trang bị kiến thức và kỹ năng để đạt được chứng chỉ.

Class.2 / Thực hành phát triển thực tế

Học viên học kiến thức cần thiết cho lập trình và phát triển ứng dụng di động, sử dụng cả thiết bị thực tế. Bằng cách tự mình thiết kế và phát triển hệ thống, ứng dụng, học viên có thể trang bị các kỹ năng thực tế có thể áp dụng ngay vào công việc tại các công ty IT.

Class.3 / Kỹ sư Ruby

Học viên sẽ học về ngôn ngữ lập trình "Ruby", lần đầu tiên được giới thiệu tại tỉnh Shimane, từ cơ bản đến nâng cao. Chúng tôi sử dụng "Ruby on Rails", công cụ phổ biến trong việc phát triển các ứng dụng web, để xây dựng các ứng dụng web thực tế.



[特色ある授業]

Class.1 / 国家試験の合格

IT企業で広く認知される情報処理技術者試験（国家試験）の合格に向けて、基礎から学びます。情報検定（J検）情報システム試験から学び、その後国家試験のレベル2に相当する基本情報技術者試験修了認定試験（科目A免除制度）を活用するなどして、合格に向けて段階的に力をつけていきます。

Class.2 / 実践的な開発実習

プログラミングやスマホアプリ開発に必要な知識を実機も利用しながら学んでいます。学生自身でシステムやアプリケーションを設計・開発することによって、IT企業ですぐに役に立つ実践的なスキルを身に付けることができます。

Class.3 / 活用・デザイン

Rubyエンジニア/島根県初のプログラミング言語「Ruby」について、基礎から応用まで幅広く学ぶことができます。Webアプリケーションで多く採用されている「Ruby on Rails」を活用し、実践的なWebアプリケーションの構築を目指します。

Timetable Thời gian biểu 時間割 Exercises/practical training (e.g.) Bài tập & Thực hành (Ví dụ) 演習・実習 (例)

	Time	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
1	9:30 11:10	Management field I Lĩnh vực quản lý I マネジメント分野 I	Strategy field I Lĩnh vực chiến lược I ストラテジ分野 I	Database technology I Kỹ thuật cơ sở dữ liệu I データベース技術 I	Basic algorithms Cơ sở thuật toán アルゴリズム基礎	Technology hardware field I Lĩnh vực công nghệ phần cứng I テクノロジ・ハードウェア分野 I
2	11:20 13:00	Group management I Quản lý nhóm I グループマネジメント I		Technology hardware field I Lĩnh vực công nghệ phần cứng I テクノロジ・ハードウェア分野 I	Comprehensive Practice I Thực hành tổng hợp I 総合実践 I	Basic algorithms I Cơ sở thuật toán I アルゴリズム基礎 I
	13:00~13:45	Lunch break		Nghỉ trưa	昼休み	
3	13:45 15:25	Web design I Thiết kế Web I Webデザイン I	Management field I Lĩnh vực quản lý I マネジメント分野 I	Business skills I Kỹ năng kinh doanh I ビジネススキル I	Comprehensive Practice I Thực hành tổng hợp I 総合実践 I	
4	15:35 17:15		National Examination Preparaion I Chuẩn bị thi quốc gia I 国家試験対策 I			



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational
College

Tsubouchi Integrated Business College
Yonago Campus



Pháp nhân trường học –
Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao đẳng Kinh doanh tổng hợp Tsubouchi
Khôn viên Yonago

IT Department [2-year] Ruby Engineer Course [4-year] Advanced IT Courses

Khoa Công nghệ thông tin [2 năm] đào tạo kỹ sư lập trình viên ruby [4 năm] Khóa học CNTT tiên tiến

IT学科 [2年制] Rubyエンジニアコース [4年制] 先端ITコース



Acquire a wide range of knowledge and solid skills to give shape to your image.

In the 4-year IT department, you can learn more advanced IT knowledge, enabling them to find employment in a wide range of fields. We aim to acquire the latest technologies and practical skills to become an immediately effective contributor that companies are looking for.

In addition, our graduates can obtain an "Advanced Professional Diploma." This is a qualification recognized as equivalent to a university degree and can be advantageous for pursuing more specialized careers or advancing in their career.

Furthermore, we are eligible for the New Higher Education Support System for Students, which allows students to receive tuition fee reductions and scholarship support if certain conditions are met. We strongly back up your IT career with a practical curriculum and a full support system.

Trang bị kiến thức sâu rộng và kỹ năng vững chắc, biến ý tưởng thành hiện thực

Trong chương trình 4 năm của khoa Công nghệ Thông tin, sinh viên sẽ được học các kiến thức IT nâng cao, từ đó mở rộng cơ hội việc làm trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Sinh viên sẽ hướng đến trở thành những nhân lực có thể lập tức phát huy vai trò trong doanh nghiệp, bằng cách nắm bắt các kỹ thuật mới nhất và kỹ năng thực tiễn.

Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đạt được danh hiệu "Chuyên môn Cao cấp", được công nhận tương đương với bằng tốt nghiệp đại học, rất có lợi cho việc làm các công việc mang tính chuyên môn cao hoặc thăng tiến sự nghiệp.

Trường cũng là cơ sở thuộc diện hỗ trợ của Chế độ hỗ trợ học phí giáo dục đại học mới, nên nếu đáp ứng điều kiện, sinh viên có thể nhận được giảm học phí hoặc học bổng không hoàn lại.

Với chương trình giảng dạy thực tiễn và hệ thống hỗ trợ toàn diện, chúng tôi sẽ đồng hành vững chắc trên con đường sự nghiệp IT của bạn.

幅広い知識と確かな技術を身に付け、イメージを形に

IT学科4年制では、より高度なITの知識を学ぶことで、幅広い分野への就職が可能になります。最新の技術や実践的なスキルを習得し、企業が求める即戦力として活躍できる人材を目指します。

また、卒業生には「高度専門士」を取得可能です。これは、大学卒業と同等の学歴が認められる称号で、より専門性の高い職種やキャリアアップにも有利になります。

さらに、本校は「高等教育の修学支援新制度」の対象校であり、一定の条件を満たすことで、学費の減免や給付型奨学金の支援を受けることができます。実践的なカリキュラムと充実したサポート体制で、あなたのITキャリアを強力にバックアップします。

[Distinctive Classes]

Class.1 / Achieve success in national certification exams

You will learn the basics in order to pass the Information Processing Engineer Examination(National Examination), which is widely recognized in the IT industry. The first goal is to

obtain certification in all three subjects of the Information Technology Certification Exam(J-Test) – Information Systems.

Afterward, you will gradually build your skills towards the National Examination by taking the Fundamental Information Technology Examination Completion Certification Exam(Subject A Exemption), which is equivalent to the National Exam Level 2."

Class.2 / Practical development using real devices

In order to acquire the skills necessary for creating smartphone apps, development will be done not only by testing on a computer but also on real devices.

You will learn how to obtain tilt sensors and location information, and acquire skills specific to smartphone apps.

Class.3 / System design

Due to the diversification of IT equipment, developed systems and services are increasingly used in a variety of situations. Therefore, knowledge and skills are required to consider people's opinions from multiple perspectives, such as different screen size and operating methods, and to create designs that are easier to use. If you are exposed to a wide range of excellent designs during practical training, you will be able to expand your opportunities as engineers with strong design knowledge.

[Các lớp học đặc biệt]

Class.1 / Đỗ kỳ thi quốc gia

Chúng tôi giảng dạy từ căn bản nhằm hướng tới việc đỗ kỳ thi kỹ sư công nghệ thông tin(kỳ thi quốc gia), được công nhận rộng rãi trong ngành IT. Mục tiêu ban đầu là đạt được 3 môn của kỳ thi kiểm định thông tin(J-Ken) – Hệ thống thông tin.

Sau đó, sinh viên sẽ tăng cường năng lực theo từng giai đoạn bằng cách tận dụng kỳ thi chứng nhận hoàn thành Kỹ thuật viên Công nghệ Thông tin Cơ bản(tương đương cấp độ 2 của kỳ thi quốc gia), với chế độ miễn thi phần A.

Class.2 / Phát triển sử dụng thiết bị thực tế

Để nắm được các kỹ năng cần thiết cho việc phát triển ứng dụng điện thoại di động, sinh viên không chỉ kiểm tra hoạt động trên máy tính mà còn thực hiện lập trình trực tiếp trên thiết bị thật.

Sinh viên sẽ học cách sử dụng các cảm biến như cảm biến độ nghiêng, định vị và các kỹ thuật đặc thù của ứng dụng dành cho ứng dụng điện thoại di động.

Class.3 / System design thiết kế ứng dụng

Với sự đa dạng hóa của các thiết bị IT, các hệ thống và dịch vụ đã phát triển ngày càng được sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau. Vì vậy, cần phải xem xét người dùng từ nhiều góc độ, như sự khác biệt về kích thước màn hình và phương pháp thao tác, để tạo ra thiết kế dễ sử dụng hơn.

Thông qua các buổi thực hành, sinh viên sẽ tiếp xúc với nhiều thiết kế xuất sắc, từ đó mở rộng khả năng hoạt động của mình như một kỹ sư thiết kế am hiểu.

[Learning points]

Point.1 / Thorough support for obtaining qualifications

Point.2 / Certified educational institution for "Ruby," a programming language born in Shimane Prefecture

Point.3 / National Examination Subject A Exemption Courses

Point.4 / Practical project-based learning

[学びのポイント]

Point.1 / 資格取得への徹底サポート

Point.2 / 鳥根県で生まれたプログラミング言語「Ruby」の教育認定校

Point.3 / 国家試験科目A免除対象講座

Point.4 / 実践的なプロジェクト学習



[特色ある授業]

Class.1 / 国家試験の合格

IT業界で広く認知される情報処理技術者試験(国家試験)の合格に向けて基礎から学びます。最初の目標は、情報検定(J検)情報システム試験3科目の取得。その後、国家試験レベル2に相当する基本情報技術者試験修了認定試験(科目A免除試験)を活用しながら国家試験にむけて段階的に力をつけていきます。

Class.2 / 実機を利用した開発

スマホアプリの作成に必要なスキルを身に付けるため、パソコン上で動作確認するだけでなく実機で開発を行います。傾きセンサーや位置情報などの取得方法を学び、スマホアプリならではの技術を身に付けることができます。

Class.3 / システムデザイン

IT機器の多様化により、開発したシステムやサービスは様々な場面で利用されることが増えています。そのため、画面の大きさや操作方法の違いなど多面的に利用者のことを考え、より使いやすいデザインを作成するための知識や技術が求められます。実習の中で優れたデザインに多く触れることで、デザインに詳しいエンジニアとして活躍の幅を広げます。

[điểm nổi bật trong việc học]

Point.1 / Hỗ trợ toàn diện để đạt được chứng chỉ

Point.2 / Trường được chứng nhận giảng dạy ngôn ngữ lập trình "Ruby" được sinh ra tại tỉnh Shimane

Point.3 / Khóa học đối tượng miễn trừ môn thi quốc gia A

Point.4 / Học tập qua các dự án thực tiễn

[Meet Our Instructors]

[Giới thiệu giảng viên]

[講師紹介]



Chie Yokoyama

Manager, NTT DATA Japan

Chie Yokoyama

Trưởng phòng của Công ty Cổ phần NTT Data

横山 智恵

株式会社NTTデータ 課長



Tetsuhiko Hori

President & CEO, Contents Japan Inc.

Tetsuhiko Hori

Giám đốc đại diện của Công ty Cổ phần Contents Japan

堀 鉄彦

株式会社コンテンツジャパン 代表取締役



Kouichirou Hiruta

Director & CCO, Public-Private Partnership Institute Inc. Regional Revitalization EvangelistW (Cabinet Office, Japan)

Kouichirou Hiruta

Giám đốc CCO của Công ty Cổ phần Nghiên cứu Dự án Hợp tác Công-Tư
Sứ giả Kịch hoạt Khu vực của Văn phòng Nội Các

晝田 浩一郎

株式会社官民連携事業研究所 取締役CCO
内閣府地域活性化伝道師



Tatsuo Shimada

President, Wakuwaku Planning Inc. Director, General Incorporated Association Yonnana Kai

Tatsuo Shimada

Giám đốc của Công ty Cổ phần WakuWaku Planning
Giám đốc của Hiệp hội Quản lý Yonna Nana

島田 龍男

株式会社ワクワプランニング代表
一般社団法人よんなな会理事



Rachel Daido

Illustrator
Graphic Designer

Rachel Daido

Họa sĩ minh họa
Nhà thiết kế đồ họa

大道 レイチェル

イラストレーター
グラフィックデザイナー



Toru Oonishi

CEO, Knowledge-Nudge LLC
Vice Representative, Kansai Branch, PMI Japan Chapter (General Incorporated Association)

Toru Oonishi

Giám đốc của Công ty TNHH Knowledge Nudge
Phó giám đốc Chi nhánh Kansai của Hiệp hội PMI Nhật Bản

大西 徹

ナレッジナッジ合同会社代表
一般社団法人PMI日本支部関西ブランチ副代表



Hiromu Fujiya

President & CEO, en-gauge Inc.

Hiromu Fujiya

Giám đốc điều hành của Công ty Cổ phần Engage

藤谷 拓

株式会社エンゲージ 代表取締役

Message from Teachers

Takahiro Inoue

Qualifications : Web Design Proficiency Test Level 3, Web Designer Certificate Expert, Ruby Technician Certification Gold, Basic Information Technology Engineer
Career : Former Programmer

The willingness to learn and use the latest technology is a primary requirement. The more complex the technology or system, the more important team communication becomes. Smooth communication is essential for improving each other's skills while developing high-quality systems. At our school, we also focus on improving communication skills. Through practical lessons, we learn together the know-how to develop systems that meet the ever-changing needs of the times, in line with the continuous advancement of technology.

Takahiro Inoue

Chứng chỉ đạt được : Kỳ thi chứng chỉ kỹ năng thiết kế web cấp 3, Chứng chỉ chuyên gia thiết kế web, Kỳ thi chứng nhận kỹ sư Ruby Gold, Kỹ sư công nghệ thông tin cơ bản
Tiểu sử : Former Programmer (Lập trình viên cũ)

Công nghệ thông tin đang phát triển hàng ngày. Việc học và mong muốn sử dụng công nghệ mới là điều quan trọng nhất. Đặc biệt, khi công nghệ và hệ thống trở nên phức tạp hơn, giao tiếp trong nhóm càng trở nên quan trọng. Giao tiếp mượt mà không chỉ giúp nâng cao kỹ năng của mỗi người mà còn là yếu tố không thể thiếu trong việc phát triển hệ thống chất lượng cao. Trường chúng tôi cũng chú trọng vào việc cải thiện kỹ năng giao tiếp, cùng với việc học hỏi những kiến thức phát triển hệ thống đáp ứng nhu cầu của thời đại thay đổi không ngừng.

井上 貴寛

取得資格 : ウェブデザイン技能検定3級、Webデザイナー検定エキスパート、Ruby技術者認定試験Gold、基本情報技術者
経歴 : 元プログラマ

IT技術は日々進化しています。最新の技術を学び、利用しようとする意欲が第一に必要とされています。複雑な技術、システムであればあるほどチームでのコミュニケーションはより一層重要になります。円滑なコミュニケーションは互いの技術の向上と同時に高品質なシステム開発に必要不可欠です。本校ではコミュニケーションスキル向上にも着目し、留まることのない無技術の発展に合わせ、変化する時代のニーズに沿ったシステム開発のノウハウを実践的な授業の中で一緒に学んでいきます。



Kosuke Nagao

Qualifications : Listening English Proficiency Test Level 3, Information Technology Proficiency Examination Level 2, Computer Usage Skills Certification Level 2, Graphic Design Proficiency Test Level 2, Calculation Technology Certification Level 1, Hazardous Materials Engineer, Class B(Category 4), IT Passport Examination, Information Systems Examination - Basic Skills, Information Systems Examination - System Design, Business Skill Certification "Job Pass" Level 3, Microsoft Office Specialist 2016 Excel, Java Programming Proficiency Test Level 3, Fundamental Information Technology Engineer Examination

I hope everyone will experience the joy of passing advanced certification exams. Of course, personal effort is essential, but our instructors are always here to support you, so you can study with confidence. Let's aim to earn many certifications so you can master essential IT skills as quickly as possible—skills that are vital for the development of society.

Kosuke Nagao

Các chứng chỉ đạt được : Chứng chỉ Kiểm tra Nghe Tiếng Anh cấp 3, Kỳ thi Kiểm tra Kỹ năng Công nghệ Thông tin cấp 2, Kỳ thi Kiểm tra Kỹ năng Sử dụng Máy tính cấp 2, Kỳ thi Kiểm tra Thiết kế Đồ họa Cấp 2, Kỳ thi Kiểm tra Kỹ thuật Tính toán Cấp 1, Người xử lý vật liệu nguy hiểm loại 2, nhóm 4, IT Passport, Kỹ năng cơ bản của kỳ thi hệ thống thông tin, Thiết kế hệ thống trong kỳ thi hệ thống thông tin, Kiểm tra năng lực kinh doanh Job Pass cấp 3, Chứng nhận chuyên gia Microsoft Office 2016 Excel, Kỳ thi đánh giá năng lực lập trình Java cấp 3, Chứng chỉ Kỹ thuật viên thông tin cơ bản, Thông tin hệ thống kỳ thi kỹ năng lập trình (dự kiến)

Tôi hy vọng các bạn sẽ được trải nghiệm niềm vui khi đạt được chứng chỉ năng cao. Dĩ nhiên, bạn sẽ cần phải nỗ lực tự thân, nhưng chúng tôi luôn hỗ trợ các bạn, vì vậy bạn có thể học mà không lo lắng. Để nhanh chóng sở hữu các kỹ năng IT thiết yếu cho sự phát triển xã hội, hãy hướng tới việc đạt được nhiều chứng chỉ.

長尾 光将

取得資格 : リスニング英語検定3級、情報技術検定試験2級、パソコン利用技術検定試験2級、グラフィックデザイン検定試験2級、計算技術検定試験1級、危険物取扱者乙種4類、ITパスポート、情報システム試験基本スキル、情報システム試験システムデザイン、ビジネス能力検定ジョブパス3級、Microsoft Office Specialist 2016 Excel、Javaプログラミング能力認定試験3級、基本情報技術者、情報システム試験プログラミングスキル(予定)

上級検定に合格したときの喜びを、ぜひ皆さんに味わって欲しいです。もちろん自分で努力する事が必要ですが、常に私たち教員が支援しますので不安なく勉強をすすめられます。社会の発展に必要なIT技術をいち早く自分のものにするために、多くの資格取得をめざしましょう。



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational
College

Tsubouchi Integrated Business College
Matsue International Campus



Pháp nhân trường học –
Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao đẳng Kinh doanh tổng hợp Tsubouchi
Khuôn viên trường quốc tế Matsue



Department of International car Mechanic



(Ministry of Education)

Second grade car mechanic course

After graduation, you can obtain a national license to work at a Japanese Car Dealer.

Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế

Khóa học bảo dưỡng ô tô cấp độ 2

Sau khi tốt nghiệp, học viên sẽ được cấp bằng chứng nhận quốc gia, cho phép xin việc tại đại lý ô tô chính thức ở Nhật Bản.



国際自動車整備士学科

2級自動車整備士コース

卒業後は国家資格取得により日本国内の自動車正規ディーラーへの就職が可能です。



This is your chance to getting a job in the car industry

In this course you will start with the basic structures of cars and build upon your knowledge to obtain the second grade car mechanic qualification as quickly as possible. This qualification is essential in order to find employment in the car industry.

Tấm hộ chiếu khi đi xin việc tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô

Thông qua khóa học, học viên có thể thi đỗ bằng kỹ thuật viên sửa chữa ô tô hạng 2 trong thời gian ngắn nhất. Đây là điều bắt buộc, không thể thiếu khi làm việc trong ngành công nghiệp ô tô. Đồng thời, học viên được từng bước trang bị các kiến thức bắt đầu từ cấu tạo cơ bản của ô tô.

自動車業界就職へのパスポート

自動車業界への就職に必要な不可欠な
2級自動車整備士資格取得を最短で目指し、
自動車の基本構造から段階的に学びます。

Corporate scholarships are available to students. Peace of mind for “tuition fees” and “employment”

Corporate scholarships from major dealers are lent and provided to students, which not only reduces the burden of tuition fees, but also allows students to find employment at reliable major companies after graduation. You can also receive repayment exemption (half to full amount).

Với học bổng của doanh nghiệp Các bạn có thể yên tâm về học phí và việc làm.

Học bổng từ các đại lý, doanh nghiệp lớn cho vay và hỗ trợ cho sinh viên, điều này không chỉ giảm gánh nặng học phí mà còn giúp sinh viên tìm được việc làm tại các công ty lớn đáng tin cậy sau khi tốt nghiệp. Cũng có thể được miễn hoàn trả (một nửa đến toàn bộ số tiền).

企業奨学金の利用で「学費」も「就職」も安心

大手有力ディーラーが行っている企業奨学金が貸与・給付されることで、学費の負担が軽減できるとともに、卒業後は信頼ある大手企業へ就職が可能。さらに返済の免除（半額～全額）も受けられます。

Types of corporate scholarships *Excerpt from some companies

Corporate	Upper limit	Repayment conditions
Tottori Mazda Co., Ltd.	720,000 JPY	Full repayment will be waived after 5 years of service
Honda Sanin Chuo Co., Ltd.	600,000 JPY	Partial of the repayment will be waived after 5 years of service
Shimane Mazda Co., Ltd.	500,000 JPY	Full repayment will be waived after 5 years of service
Yellow Hat Co., Ltd.	600,000 JPY	Loan. 5 years and 60 installments

Các loại học bổng doanh nghiệp *Trích từ một số công ty

Corporate	Upper limit	Điều kiện hoàn trả
Công ty TNHH Tottori Mazda	720,000 JPY	Miễn hoàn trả đầy đủ sau 5 năm làm việc
Công ty TNHH Honda Sanin Chuo	600,000 JPY	Nếu bạn làm việc trong 5 năm, một số khoản hoàn trả sẽ được miễn
Công ty TNHH Mazda Shimane	500,000 JPY	Miễn hoàn trả đầy đủ sau 5 năm làm việc
Công ty TNHH Mũ Vàng	600,000 JPY	Cho vay. 5 năm và 60 đợt

企業奨学金の種類※一部企業抜粋

企業	上限	返済条件
株式会社鳥取マツダ	720,000 円	5年勤務で全額の返済を免除
ホンダ山陰中央株式会社	600,000 円	5年勤務で一部の返済を免除
株式会社島根マツダ	500,000 円	5年勤務で全額の返済を免除
株式会社イエローハット	600,000 円	貸与。5年60回払い

Second grade car mechanic course

Khóa học bảo dưỡng ô tô cấp độ 2

2級自動車整備士コース



2 year
course

2 năm
2 年制

Second Grade Car Mechanic 2024 fiscal year Pass rate 100%.

Tỷ lệ đỗ năm 2024 100% đối với bằng Thợ sửa ô tô hạng 2

2級自動車整備士 2024年度 合格率 100%

You will be exempt from practical exams.

After finishing this course, you will be qualified to take the Second Grade Car Mechanic exams (Second Grade General, Second Grade Motorcycle) and be exempt from practical exams.

Miễn kiểm tra thực hành.

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có đủ tư cách tham dự kì thi kỹ thuật viên thuật viên ô tô hạng 2 (ô tô máy toàn diện hạng 2, mô tô 2 bánh hạng 2) và được miễn phần thi thực hành.

実技試験免除

本コースを修了すると、2級自動車整備士(2級総合・2級二輪)の受験資格が得られ、実技試験が免除されます

Message from graduates

Lời nói của cựu sinh viên

卒業生の声



NGUYEN VAN GIAP

NGUYỄN VĂN GIÁP

NGUYEN VAN GIAP (ゲン・ヴァン・ジャップ)

Since April 2023, I have been working in the service department of Suzuki Sales Shimane Co., Ltd. The Automotive Mechanic Department at Tsubouchi Business College is fully equipped and allows you to learn the latest technology. The teachers are kind and will teach you carefully until you understand. I also took Japanese classes and JLPT preparation, and was able to obtain N1 before graduation.

Recently, I have been appointed as a designated maintenance supervisor. I would like to work in Japan for a long time and acquire advanced skills.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới bộ phận dịch vụ của Công ty TNHH Suzuki sales Shimane. Bắt đầu Từ tháng 4 năm 2023 Tôi làm việc tại bộ phận dịch vụ của Công ty TNHH Suzuki Sales Shimane. Tại Khoa bảo dưỡng ô tô Trường Cao đẳng Kinh doanh Tổng hợp Tsubouchi được trang bị đầy đủ trang thiết bị, cho phép bạn học hỏi công nghệ mới nhất. Các giáo viên rất tận tình và giảng dạy cẩn thận. Tôi cũng đã tham gia lớp học tiếng Nhật, luyện thi JLPT và trước khi tốt nghiệp đã đạt được N1. Gần đây, tôi đã được bổ nhiệm làm giám sát viên bảo dưỡng chính. Tôi mong muốn làm việc ở Nhật Bản trong thời gian dài để có thể tích lũy những kỹ năng nâng cao.

2023年4月から株式会社スズキ自販島根のサービス課でお世話になっています。坪内総合ビジネスカレッジの自動車整備士学科は設備が充実しており、最新技術を学ぶことができます。先生方は親切で、わかるまで丁寧に教えてくださいます。日本語の授業やJLPT対策もあり、卒業までにN1を取得することができました。この度、特定整備主任者に専任されました。長く日本で働いて、高い技術を身につけたいと思っています。

The origin of professionalism.

Master the basics and practical skills at once.

Nguồn gốc chuyên nghiệp. Đồng thời nắm vững cơ bản và ứng dụng.

プロフェッショナルの原点。基礎と応用を一度に手に入れる。

[Qualifications Targeted]

- Second Grade General Car Mechanic
- Second Grade Motorcycle Mechanic
- Special Education for Low Pressure Electricity Handling
- Special Education for Arc Welding Handling



[Chứng chỉ chuyên môn dự kiến]

- thợ bảo dưỡng ô tô toàn diện cấp độ 2
- Thợ bảo dưỡng xe máy cấp độ 2
- Chứng chỉ đào tạo đặc biệt về nghiệp vụ liên quan đến điện áp thấp
- Chứng chỉ đào tạo đặc biệt về nghiệp vụ liên quan đến hàn hồ quang

[目指す資格]

- 2級自動車整備士（総合）
- 2級自動車整備士（二輪）
- 低圧電気取扱業務特別教育修了資格
- アーク溶接等業務特別教育修了資格

Process to obtain the qualification

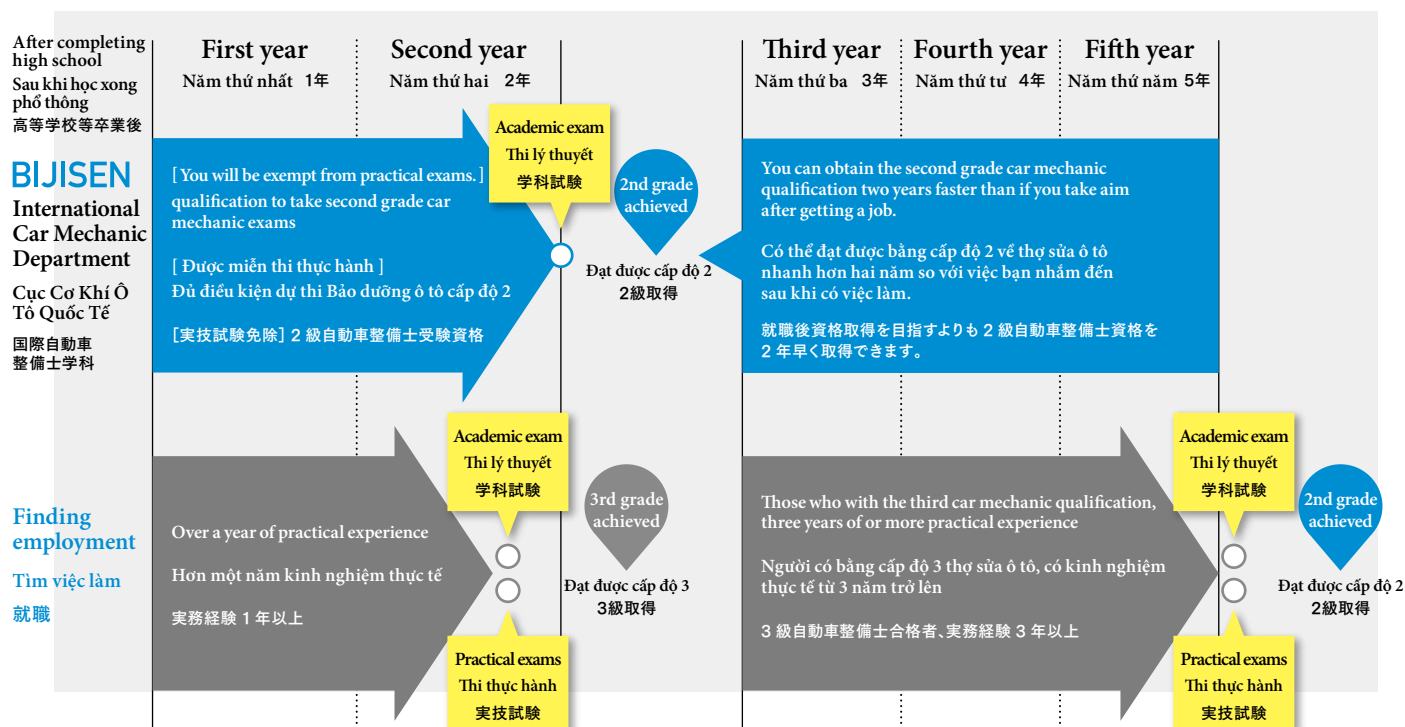
After finishing our curriculum, you will be qualified to take the national second grade car mechanic exams within two years of completion. You will also be exempt from the practical exams.

Quy trình để có được bằng cấp

Sau khi kết thúc khóa học, học viên sẽ có đủ điều kiện tham dự kỳ thi Kỹ thuật viên sửa chữa bảo dưỡng ô tô cấp độ 2 (động cơ xăng cấp độ 2 – động cơ diesel cấp độ 2 – xe 2 bánh cấp độ 2), và được miễn kiểm tra thực hành.

資格取得の流れ

本校のカリキュラムを修了すると国家資格である「2級自動車整備士」の受験資格が2年で取得できます。さらに実技試験免除の特典が得られます。





[Department of International car Mechanic] Curriculum

Train up “industry-ready” car mechanics, aiming at mechanic of car mechanic qualification in the most efficient way.

[Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế] Chương trình giảng dạy

Đào tạo thợ sửa ô tô “sẵn sàng cho ngành”, hướng tới thợ có trình độ thợ sửa ô tô một cách hiệu quả nhất.

[国際自動車整備士学科] カリキュラム 即戦力となる自動車整備士を養成。最短ルートで整備士資格の取得を目指します。

1

First Year Curriculum

Lý Thuyết	- Automotive Engineering I - Automotive Maintenance relation I	Automotive Engineering II	Automotive Engineering III
Thực hành	Automotive Maintenance I	Automotive Maintenance II	Automotive Maintenance III
Nghiên cứu	- Japanese - Industry・Society I	- Career seminar I - Practical Volunteer	Work experience training I

Giáo trình năm thứ nhất

Lý Thuyết	- Kỹ thuật ô tô I - Quan hệ Bảo dưỡng ô tô I	Kỹ thuật ô tô II	Kỹ thuật ô tô III
Thực hành	Bảo dưỡng ô tô I	Bảo dưỡng ô tô II	Bảo dưỡng ô tô III
Nghiên cứu	- Tiếng Nhật - Công nghiệp・Xã hội I	- Hội thảo nghề nghiệp I - Tình nguyện viên thực tế	Đào tạo kinh nghiệm làm việc I

1年次カリキュラム

学科	自動車工学 I	自動車工学 II	自動車工学 III	自動車整備関連 I
実習	自動車整備作業 I	自動車整備作業 II	自動車整備作業 III	
教養	日本語	キャリア演習 I	企業体験実習 I	工業・社会 I 実践ボランティア

2

Second Year Curriculum

Subjects	- Automotive Engineering IV - Laws of Car Maintenance	- Automotive Maintenance relation II - Automotive Inspection	Automotive Maintenance relation III
Practical training	- Automotive Maintenance IV - Automotive Inspection	Automotive Maintenance V	Automotive Maintenance VI
General Studies	- Japanese - Career seminar II	Work experience training II	Industry・Society II

Chương trình đào tạo – Năm thứ 2

Lý Thuyết	- Kỹ thuật ô tô IV - Quy định về bảo dưỡng sửa chữa ô tô	- Quan hệ Bảo dưỡng ô tô II - Kiểm tra ô tô	Quan hệ Bảo dưỡng ô tô III
Thực hành	- Bảo dưỡng ô tô IV - Nghiệp vụ kiểm tra ô tô	Bảo dưỡng ô tô V	Bảo dưỡng ô tô VI
Môn chung	- Tiếng Nhật - Hội thảo nghề nghiệp II	Đào tạo kinh nghiệm làm việc II	Công nghiệp・Xã hội II

2年次カリキュラム

学科	自動車工学 IV	自動車整備関連 II	自動車整備関連 III	自動車整備に関する法規	自動車検査
実習	自動車整備作業 IV	自動車整備作業 V	自動車整備作業 VI	自動車検査作業	
教養	日本語	キャリア演習 II	企業体験実習 II	工業・社会 II	



[New technology training]

Classes with vehicles brought in by Shimane Toyota Group and Shimane Nissan Motor Co., Ltd. We will show you the latest technology.

[Giờ học về công nghệ mới]

Đưa vào trong giờ học thực hành các loại xe của tập đoàn Toyota Shimane, Nissan Shimane. Giới thiệu những công nghệ mới nhất.

[新技術講習]

島根トヨタグループ、島根日産自動車などの車両持込授業。最新技術を公開していただきます。



[CS training]

Suzuki Motor Sales Shimane will give a class on customer satisfaction based on the field.

[Giờ học về Dịch vụ chăm sóc khách hàng]

Tổ chức giờ học về dịch vụ làm hài lòng khách hàng dựa trên những kinh nghiệm thực tế bán xe hơi của Suzuki tại Shimane.

[CS講習]

スズキ自販島根様による、現場に基づいた顧客満足についての授業を行います

[Training company]

Shimane Toyota Motor Co., Ltd.
Toyota Corolla Shimane Co., Ltd.
Netz Toyota Shimane Co., Ltd.
Shimane Toyopet Co., Ltd.
Shimane Nissan Motor Co., Ltd.
Nissan Satio Shimane
Shimane Daihatsu Sales Co., Ltd.
Suzuki Sales Shimane Co., Ltd.
Shimane Mazda Co., Ltd.
West Japan Mitsubishi Motors Sales Co., Ltd.
Sanin Subaru Co., Ltd.
Shimane Chuo Honda Co., Ltd.
Yellow Hat Co., Ltd.

[Thực Tập tại các doanh nghiệp]

Công ty TNHH Shimane Toyota
Công ty TNHH Toyota Corolla Shimane
Công ty TNHH Nets toyota shimane
Công ty TNHH Shimane Toyopet
Công ty TNHH Ô tô Shimane Nissan
Nissan Satio Shimane
Công ty TNHH bán hàng Shimane Daihatsu
Công ty TNHH Suzuki Kinh doanh Shimane
Công ty TNHH Shimane Mazda
Công ty TNHH Bán hàng Mitsubishi Motors Tây Nhật Bản
Công ty TNHH Sanin Subaru
Công ty TNHH Shimane Chuo Honda
Công ty TNHH Yellohat

[実習企業先]

島根トヨタ自動車株式会社 様
トヨタカローラ島根株式会社 様
ネットヨタ島根株式会社 様
島根トヨペット株式会社 様
島根日産自動車株式会社 様
日産サティオ島根 様
島根ダイハツ販売株式会社 様
株式会社スズキ自販島根 様
株式会社島根マツダ 様
西日本三菱自動車販売株式会社 様
スバル中四国株式会社 様
島根中央ホンダ株式会社 様
株式会社イエローハット 様

Timetable example (first year)

Ví dụ về thời gian biểu (năm thứ nhất)

時間割例 (1年次)

	Time	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri
1	9:30 11:10	Automotive Maintenance I (Engine motor) Bảo dưỡng sửa chữa ô tô I (Động cơ) 自動車整備作業 I (エンジンモータ)	Automotive Maintenance II (Motorcycles) Bảo dưỡng sửa chữa ô tô II (mô tô 2 bánh) 自動車整備作業 II (二輪自動車)	Automotive Maintenance II (Chassis) Bảo dưỡng sửa chữa ô tô II (khung xe) 自動車整備作業 II (シャシ)	Automobile Maintenance III (Failure Cause Exploration) Bảo dưỡng ô tô III (Khám phá nguyên nhân thất bại) 自動車整備作業 III (故障原因探求)	Automotive Maintenance III (Electrical equipment) Bảo dưỡng sửa chữa ô tô III (Thiết bị điện) 自動車整備作業 III (電装)
2	11:20 13:00					
	13:00~13:45	Lunch break		Nghỉ trưa		昼休み
3	13:45 15:25	Automotive Engineering II (Drawings) Kỹ thuật ô tô II (bản vẽ) 自動車工学 II (図面)	Automotive Engineering I (Automobile maintenance and performance) Kỹ thuật ô tô I (Bảo dưỡng ô tô・Hiệu suất) 自動車工学 I (二輪自動車の構造・性能)	Career Seminar Thực hành nghiệp vụ キャリアアップ講習	Automotive Maintenance I (Engine motor) Bảo dưỡng sửa chữa ô tô I (Động cơ) 自動車整備関連 I (エンジンモータ)	
4	15:35 17:15					

School Fees (enrollment, tuition etc.)

Về các khoản phải nộp tại trường 学納金等について ※5

Department of International Japanese Language fees

Các khoản phải nộp tại Khoa tiếng nhật quốc tế
国際日本語学科 学納金等

Breakdown of fees Danh mục 項目	2 year course Khóa học 2 năm 2年コース(4月入学)		1.6 year course Khóa học 1,6 năm 1.6年コース(10月入学)		1.3 year course Khóa học 1,3 năm 1.3年コース(1月入学)	
	First year Năm đầu tiên 初年度	Second year Năm thứ 2 2年次	First year Năm đầu tiên 初年度	Second year Năm thứ 2 2年次	First year Năm đầu tiên 初年度	Second year Năm thứ 2 2年次
Entrance examination fee Lệ phí tuyển sinh 入学検定料	30,000 JPY(円)	—	30,000 JPY(円)	—	30,000 JPY(円)	—
Enrollment Phí nhập học 入学金	50,000 JPY(円)	—	50,000 JPY(円)	—	50,000 JPY(円)	—
Tuition Học phí 授業料	680,000 JPY(円)	680,000 JPY(円)	340,000 JPY(円)	680,000 JPY(円)	170,000 JPY(円)	680,000 JPY(円)
Miscellaneous Các loại chi phí 諸経費 ※5	108,000 JPY(円)	65,000 JPY(円)	94,000 JPY(円)	65,000 JPY(円)	80,000 JPY(円)	65,000 JPY(円)
Total Tổng cộng 合計	868,000 JPY(円)	745,000 JPY(円)	514,000 JPY(円)	745,000 JPY(円)	330,000 JPY(円)	745,000 JPY(円)

Department of International Tourism Business fees

Các khoản phải nộp tại Khoa kinh doanh du lịch quốc tế
国際観光ビジネス学科 学納金等

Breakdown of fees Danh mục 項目	2 year course Khóa học 2 năm 2年コース(4月入学)	
	First year Năm đầu tiên 初年度	Second year Năm thứ 2 2年次
Entrance examination Lệ phí tuyển sinh 入学検定料 ※1 ※2	30,000 JPY(円)	—
Enrolment Phí nhập học 入学金 ※1 ※2 ※3	280,000 JPY(円)	—
Tuition Học phí 授業料	700,000 JPY(円)	700,000 JPY(円)
Miscellaneous Các loại chi phí 諸経費 ※5	100,000 JPY(円)	91,000 JPY(円)
Total Tổng cộng 合計	1,110,000 JPY(円)	791,000 JPY(円)

Department of International car Mechanic fees

Các khoản phải nộp tại Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế
国際自動車整備士学科 学納金等

Breakdown of fees Danh mục 項目	2 year course Khóa học 2 năm 2年コース(4月入学)	
	First year Năm đầu tiên 初年度	Second year Năm thứ 2 2年次
Entrance examination Lệ phí tuyển sinh 入学検定料 ※1 ※2	30,000 JPY(円)	—
Enrolment Phí nhập học 入学金 ※1 ※2	280,000 JPY(円)	—
Tuition Học phí 授業料	700,000 JPY(円)	700,000 JPY(円)
Miscellaneous Các loại chi phí 諸経費 ※5	116,000 JPY(円)	80,000 JPY(円)
Total Tổng cộng 合計	1,126,000 JPY(円)	780,000 JPY(円)

Department of IT fees

Các khoản phải nộp tại Khoa Công nghệ thông tin
IT学科 学納金等

Breakdown of fees Danh mục 項目	2 year course Khóa học 2 năm 2年コース(4月入学)		
	First year Năm đầu tiên 初年度	Ruby Engineer Course Second year đào tạo kỹ sư lập trình viên ruby Năm thứ 2 Rubyコース2年次	Mobile Engineer Course Second year học kỹ sư ứng dụng smartphone Năm thứ 2 モバイルエンジニアコース2年次
Entrance examination Lệ phí tuyển sinh 入学検定料 ※1 ※2	30,000 JPY(円)	—	—
Enrolment Phí nhập học 入学金 ※1 ※2	280,000 JPY(円)	—	—
Tuition Học phí 授業料	700,000 JPY(円)	700,000 JPY(円)	700,000 JPY(円)
Miscellaneous Các loại chi phí 諸経費 ※5	97,000 JPY(円)	45,000 JPY(円)	45,000 JPY(円)
Total Tổng cộng 合計	1,107,000 JPY(円)	745,000 JPY(円)	745,000 JPY(円)

※1Students who graduated from the International Japanese Language Department of Tsubouchi Gakuen are exempted from paying the entrance fee of 210,000 yen. Furthermore, those who are eligible for the AO entrance examination are also partially exempted from paying the entrance examination fee.
※2International students who were not enrolled in the International Japanese Language Department of Tsubouchi Gakuen are partially exempted from the entrance examination fee and are exempted from paying 160,000 yen from the entrance fee, provided they are eligible for the AO entrance examination.
※3Applicants to the International Tourism Business Department who demonstrate sufficient English proficiency may be eligible for a reduction in the admission fee of 50,000yen. Those who wish to be considered should submit a copy of their official TOEIC score certificate. A score of 500 or higher is recommended as a guideline.
※4Additionally, a laptop (Windows 11 or higher recommended) / a tablet PC (specified by the department) is required. If you do not have one, we can introduce a place to purchase one.
(The last school year's introduction fee was 39,980 yen).
※5School fees and other fees are subject to change.

※1Những thí sinh học lên từ Khoa Nhật ngữ của Trường Tsubouchi sẽ được miễn phí nhập học 210.000 yên. Hơn nữa, Các thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển sinh đầu vào cũng sẽ được miễn một phần Lệ phí tuyển sinh.
※2Những thí sinh trước đó không không phải là học sinh của Khoa Nhật ngữ Trường Tsubouchi được miễn một phần Lệ phí tuyển sinh và Phí nhập học 160.000 yên khi đủ điều kiện tham gia kỳ thi tuyển sinh đầu vào.
※3Phí nhập học 50,000yen sẽ được giảm nếu ứng viên của Khoa Kinh doanh Du lịch Quốc tế được công nhận là có trình độ tiếng Anh.Vui lòng nộp bản sao điểm TOEIC chính thức của bạn.Điểm mục tiêu là 500 điểm trở lên.
※4Đặc biệt, cần có một máy tính xách tay (khuyến dùng Windows 11 trở lên)/ máy tính bảng (theo từng khoa). Nếu học sinh chưa có, Trường sẽ giới thiệu của hàng mua. (Số tiền giới thiệu mua năm ngoài là 39.980 yên)
※5Học phí và lệ phí có thể thay đổi.
※1坪内学園 国際日本語学科からの進学者は、入学金を210,000円免除します。AO入試対象者は、さらに入学検定料を一部免除します。
※2坪内学園 国際日本語学科在籍以外の留学生の入学者には、AO入試対象者のみ入学検定料を一部免除と入学金160,000円を免除します。
※3国際観光ビジネス学科応募者で英語力があると認められた場合、入学金を50,000円免除します。希望者はTOEIC公式認定証のコピーを提出してください。目安は500点以上です。
※4別途、ノートPC (Windows11以上推奨) /タブレットPC (学科によって指定あり) が必要になります。お持ちでない方には購入先のご紹介もいたします。(昨年度紹介金額39,980円)
※5学納金、諸費は変更する場合があります。

Room and Board expenses

Về chi phí ký túc xá

寮費等について

全館 WiFi OK!

- ◎ The room is fully equipped with furniture and home appliances.
- ◎ Phòng được trang bị đầy đủ nội thất và đồ dùng.
- ◎ お部屋には、家具、家電がついています。



学生会館 I



学生会館 II



アーバンエステート



学生会館 III



学生会館 IV



学生会館 V



学生会館 VI



学生会館 VII

Commuting time	2~20 mins	Rooms	2 people in a bedroom of about 20㎡
Thời gian đi học	2~20 phút	Phòng ở	2 người trong phòng ngủ khoảng 20㎡
通学時間	2~20分	部屋	寢室約20㎡に2人

Note: dormitory will be assigned by the school, you cannot choose.

Chú ý: Nhà trường chỉ định phòng ký túc xá, học viên không được tự chọn phòng.

注意: 寮は学校が指定しますので、選択できません。

Room and Board expense (monthly)	24,000 JPY
Tiền ký túc xá (Hàng tháng)	24,000円
寮費(月額) ※6	

Fee for moving into a dormitory	24,000 JPY
Lệ phí gia nhập ký túc xá	24,000円
入寮金	

Insurance	9,000 JPY
Phí bảo hiểm	9,000円
保険料 (2年分)	

※6 Before moving into a dormitory, you will pay the room fee for 2 to 6 months. Please pay the common area fee when moving into the dormitory.

※6 Khi vào ở ký túc xá, bạn phải thanh toán luôn 2~6 tháng tiền ở ký túc xá

※6 入寮する時に、寮費は2~6ヶ月分支払います。

※Additionally, a common service fee and other charges amounting to 25,500 yen are required.

※Thêm vào đó, phí dịch vụ chung và các khoản phí khác là 25.500 yên cần thiết.

※追加で共益費その他として、25,500円必要です。

Eligibility Those who meet all of the following

1. Those who have reached 18 years of age at the time of enrolment (on April 1st of the year of admission).
2. Those who have completed or are expected to complete at least 12 years of school education.
*Please consult us if the normal course of education (normal educational curriculum) is less than 12 years.
3. Those who have a status of residence of "College Student" under the "Immigration Control and Refugee Recognition Act" or those who are expected to be granted a status of residence of "College Student" by the time of enrollment.
4. (Department of International Japanese Language)
For direct admission to Tsubouchi college from overseas, applicants must have N5 level or above of Japanese language proficiency test (hereinafter referred to as JLPT) or , equivalent.
(Department of International car Mechanic, Department of International Tourism Business, Department of IT)
For direct admission to Tsubouchi college from overseas, applicants must have N2 level or above of JLPT.
For admission from inside Japan, applicants must have at least six months' Japanese language education at a Japanese language institution (designated school) in Japan. Please consult us concerning your Japanese language skills.
5. Those who are guaranteed to pay for accommodation expenses such as tuition and living expenses while enrolled in school.
6. Those who understand and comply with the laws of Japan and the rules stipulated by our vocational school.

Đủ điều kiện Những người đáp ứng tất cả những điều ghi ở trên

1. Những người đủ 18 tuổi vào thời điểm nhập học (ngày 1 tháng 4 của năm nhập học).
2. Những người đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành chương trình học phổ thông từ 12 năm trở lên.
*Vui lòng liên hệ với chúng tôi trong trường hợp chưa hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông 12 năm.
3. Là những người có tư cách lưu trú là "Du học sinh" được cấp bởi "Đạo luật kiểm soát nhập cư và công nhận người tị nạn", hoặc những người dự kiến sẽ được cấp tư cách lưu trú là "Du học sinh" cho đến thời điểm nhập học.
4. (Khoa tiếng Nhật quốc tế)
Đối với học sinh nhập học trực tiếp từ nước ngoài phải có trình độ tiếng Nhật (JLPT) N5 trở lên hoặc những người có khả năng tương đương.
(Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế, Khoa kinh doanh du lịch quốc tế, Khoa Công nghệ thông tin)
Trường hợp nếu bạn vào trường dạy nghề trực tiếp từ nước ngoài thì phải có năng lực tiếng Nhật từ N2 trở nên (kỳ thi JLPT)
Trường hợp nhập học vào trường dạy nghề ở nước Nhật, là người đã học tiếng Nhật ít nhất 6 tháng tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật ở Nhật bản(trường được thông báo).Hãy nghe tôi giải thích chi tiết về năng lực tiếng Nhật của bạn nhé.
5. Những người có sự bảo hộ về kinh tế trong quá trình học tại trường ví dụ như học phí.v.v
6. Những người hiểu và tuân thủ luật pháp của Nhật Bản và các quy tắc do trường dạy nghề của chúng tôi quy định.

出願資格 下記の全てを満たしている者

1. 入学時(入学年度の4月1日)に満18歳に達する者。
2. 12年以上の学校教育を修了、または修了見込みの者。 ※通常の教育課程が12年未満の場合はご相談ください。
3. 「出入国管理及び難民認定法」による「留学」の在留資格を持つ者、または入学までに「留学」の在留資格取得を許可される見込がある者。
4. (国際日本語学科)
海外から直接入学する場合は、日本語能力試験(JLPT)N5 程度以上の日本語能力を持つ者、または同等の能力の者。
(国際自動車整備士学科・国際観光ビジネス学科・IT学科)
海外から直接、専門学校に入学する場合は、日本語能力試験(JLPT)N2以上の日本語能力を持つ者。
日本国内から専門学校に入学する場合は、日本国内の日本語教育機関(告示校)において6か月以上の日本語教育を受けた者、日本語能力についてはご相談ください。
5. 在学中の学費生活費などの滞在経費の支弁保証がある者。
6. 日本の法律及び本学園の専門学校が規定する諸規則を理解し遵守できる者。

Departments and Quotas

Các ngành tuyển sinh viên • Số lượng có thể tiếp nhận

募集学科・定員

Department of International Japanese Language

Khoa tiếng nhật quốc tế

国際日本語学科

Name of course Tên khóa học コース名	Period of study Số năm học 修業年限	Recruitment capacity Năng lực tuyển dụng 募集定員	Application Period Thời gian tiếp nhận hồ sơ 出願受付期間
2 year course (enrolment in April) Khóa học 2 năm (nhập học tháng 4) 2年コース (4月入学)	2years 2năm 2年	160students 160người 160名	June 1st ~ mid-August Ngày 1 tháng 6 ~ giữa tháng 8 6月1日~8月中旬
1.6 year course (enrolment in October) Khóa học 1.6 năm (nhập học tháng 10) 1.6年コース (10月入学)	1.6years 1.6năm 1.6年		March 1st ~ mid-May Ngày 1 tháng 3 ~ giữa tháng 5 3月1日~5月中旬
1.3 year course (enrolment in January) Khóa học 1.3 năm (nhập học tháng 1) 1.3年コース (1月入学)	1.3years 1.3năm 1.3年		June 1st ~ mid-August Ngày 1 tháng 6 ~ giữa tháng 8 6月1日~8月中旬

Vocational class

đăng nghề

専門課程

Name of course Tên khóa học 学科・コース名	Period of study Thời gian học 修業年限	Recruitment capacity Năng lực tuyển dụng 募集定員	Field Lĩnh vực 分野	Title(at the time of graduation) Chức danh(tại thời điểm tốt nghiệp) 称号 (卒業時)
Department of International car Mechanic Second grade car mechanic course Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế Khóa học bảo dưỡng ô tô cấp độ 2 国際自動車整備士学科 2級自動車整備士コース	2years 2năm 2年	24students 24người 24名	Industry Công nghiệp 工業	Diploma Chuyên gia 専門士
Department of International Tourism Business Khoa kinh doanh du lịch quốc tế 国際観光ビジネス学科	2years 2năm 2年	24students 24người 24名	Commercial practice Nghệ vụ thương mại 商業実務	Diploma Chuyên gia 専門士
Department of IT Khóa Công nghệ thông tin IT学科	2years 2năm 2年	24students 24người 24名	Industry Công nghiệp 工業	Diploma Chuyên gia 専門士

Application Period : June 1st ~ mid-November

Thời gian nộp đơn : Ngày 1 tháng 6 ~ giữa tháng 11

出願受付期間 : 6月1日~11月中旬

Entrance Examination Guidelines

Các mục thực hiện khi kiểm tra đầu vào

入試実施要項

- (1) Selection method : Applicants will be screened for documents, interviews, and written examinations, and will be judged by a comprehensive judgment.
- (2) Announcement of results : The result of the examination will be notified by mail within 10 days from the date of the selection examination.

- (1) Phương pháp tuyển chọn : Sàng lọc hồ sơ, phỏng vấn, kiểm tra. Quyết định có đủ điều kiện nhập học hay không dựa trên các đánh giá toàn diện.
- (2) Công bố kết quả thi : Kết quả sẽ được thông báo qua đường bưu điện cho người dự thi trong vòng 10 ngày, kể từ ngày dự thi.

- (1)選考方法 : 書類審査、面接試験、筆記試験を実施し、総合判定により可否を決定する。
- (2)合格発表 : 可否の結果は選考試験日より10日以内に本人宛に郵送にて通知する。

Documents designated by the school

Tài liệu do trường quy định

本校指定の書類

Number Mã số 番号	Document Tên hồ sơ 書類名	Name Precautions Điểm lưu ý 留意点
A-1	Application Form Đơn xin nhập học 入学願書	Please fill out all the required information on the form prescribed by the school and attach a photo of the front of the school without a hat, without a background, taken within the last 3 months at the designated location. Điền đầy đủ tất cả các mục cần thiết vào mẫu đơn do trường quy định. Vui lòng đính kèm ảnh khuôn mặt cá nhân, không được đội mũ, và không có phông nền phía sau. 本校所定の用紙に必要事項を全て記入し、指定の場所に3ヶ月以内に撮影した無帽・無背景・正面の写真を添付してください。
A-2	Statement of Purpose for Studying Abroad Đơn trình bày nguyện vọng du học 留学志望理由書	Please fill out the form provided by the school with specific information about your reasons for studying abroad and your career path after graduation. Viết chi tiết về lý do muốn du học, và dự định trong tương lai sau khi tốt nghiệp, vào mẫu đơn do trường quy định. 本校所定の用紙に留学理由と卒業後の進路について具体的に記入してください。
A-3	Financial support Statement Báo cáo hỗ trợ tài chính 経費支弁書	Please fill out all the required information on the form prescribed by the school. Vui lòng điền đầy đủ các thông tin cần thiết vào mẫu do trường quy định. 本校所定の用紙に必要事項を全て記入してください。

Documents that the applicant prepares on his or her own

Người nộp hồ sơ cần chuẩn bị những giấy tờ sau

本人が準備する書類

Number Mã số 番号	Document Tên hồ sơ 書類名	Name Precautions Điểm lưu ý 留意点	Residents of Japan Cư dân Nhật Bản 日本国内在住者	Residents outside Japan Cư dân bên ngoài Nhật Bản 日本国外在住者
B-1	Photograph (taken within the last 3 months) Ảnh (Chụp trong vòng 3 tháng trở lại) 写真 (3ヶ月以内に撮影したもの)	Prepare 8 sheets (4 cm in length x 3 cm in width) with a front, no hat, and no background. Write your name on the back and attach one to the application form. Chuẩn bị 08 ảnh 4cm x 3cm chụp rõ nét chính diện, không đội mũ, nền trắng; ghi đầy đủ họ tên ở mặt sau của ảnh. 01 ảnh dán vào Đơn xin nhập học. 正面、無帽、無背景で鮮明なもの(縦4cm×横3cm)を8枚用意し、裏に名前を記入し、1枚を入学願書に貼付してください。	☐	☐
B-2	Passport or ID card (Copy) Bản photo hộ chiếu hoặc thẻ căn cước/chứng minh nhân dân パスポートまたは身分証明書(コピー)	If you have been issued a passport, please submit your passport (a copy of all the pages on it), and if you do not have one, please submit a copy of your ID. Người đã có hộ chiếu (passport) phải nộp bản copy trang có ghi đầy đủ thông tin cá nhân. Những người không có hộ chiếu phải nộp bản photo thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. パスポートが発給された方はパスポート(記載のある全てのページをコピー)、お持ちでない方は身分証明書のコピーを提出してください。	☐	☐
B-3	Certificate of Educational Qualification in Home Country Giấy chứng nhận lý lịch học sau cùng tại quốc gia của mình 本国での最終学歴証明書	Please submit the original or a copy of your transcript of your last academic background in your home country and the original or copy of your graduation certificate (certificate of expected graduation). * If you wish to submit a photocopy, please obtain a certificate of the original from a public institution such as the school from which you graduated or the embassy. Vui lòng nộp bản điểm (bản gốc hoặc copy) trình độ học vấn cuối cùng tại quốc gia của mình, và giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc dự định tốt nghiệp) (bản gốc hoặc copy). * Nếu nộp bản sao, vui lòng yêu cầu cơ quan đã tốt nghiệp, hoặc Đại sứ quán.v.v chứng nhận bản sao này được sao chép từ bản gốc. 本国における最終学歴の成績証明書の原本またはコピーおよび、卒業証明書(卒業見込み証明書)の原本またはコピーを提出してください。 ※コピー提出の場合は、卒業学校または大使館等の公的機関より原本証明を受けてください。	☐	☐

Documents that the applicant prepares on his or her own

Người nộp hồ sơ cần chuẩn bị những giấy tờ sau

本人が準備する書類

Number Mã số 番号	Document Tên hồ sơ 書類名	Name Precautions Điểm lưu ý 留意点	Residents of Japan Cư dân Nhật Bản 日本国内在住者	Residents outside Japan Cư dân bên ngoài Nhật Bản 日本国外在住者
B-4	Japanese Certification Test Results (Copy) Kết quả nhận định trình độ tiếng Nhật (bản sao) 日本語認定試験結果 (コピー)	Please submit a copy of the result notification of one of (1) ~ (3) as proof of Japanese proficiency. (For applications in the Department of International Japanese) (1) Japanese Proficiency Test N5 or higher (2) JLCT Japanese Proficiency Test for Foreigners "JCT5" or higher (3) Japanese NAT-TEST Level 5 or higher * If you are unable to submit the above documents, please submit a certificate of Japanese learning that proves that you have studied at a Japanese educational institution for at least 150 hours. (In the case of application for the Department of International car Mechanic and the Department of International Tourism Business, Department of IT) (1) Letter of recommendation from a Japanese educational institution (2) Notification of pass/fail result of passing the Japanese Proficiency Test (JLPT) N2 or higher (3) Please consult us concerning your Japanese language skills. Vui lòng nộp bản sao giấy thông báo kết quả của tài liệu chứng minh tăng lực tiếng Nhật (chỉ cần một trong số các mục từ (1)~(3)) (Trong trường hợp có nguyện vọng học ngành tiếng Nhật quốc tế) (1) Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) từ N5 trở lên (2) Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật người ngoại quốc (JLCT) từ N5 trở lên (3) Kỳ thi NAT-TEST từ cấp độ 5 trở lên * Trong trường hợp ứng viên không có các giấy tờ trên, vui lòng nộp giấy chứng nhận hoàn thành 150 giờ học tiếng Nhật tại cơ quan giáo dục tiếng Nhật. (Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế, Khoa kinh doanh du lịch quốc tế, Khoa Công nghệ thông tin) (1) Thư tiến cử từ cơ quan giáo dục tiếng Nhật (2) Giấy thông báo kết quả thi đầu kì thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) trình độ N2 trở lên (3) Hãy nghe tôi giải thích chi tiết về năng lực tiếng Nhật của bạn nhé. 日本語能力を証明する資料として、①～③のいずれかの結果通知のコピーを提出してください。 (国際日本語学科出願の場合) ①日本語能力試験 N5 以上 ②JLCT 外国人日本語能力検定「JCT5」以上 ③ 日本語 NAT-TEST5 級以上 ※上記書類を提出できない場合は、日本語教育機関で 150 時間以上学習したことを証明する日本語学習証明書を提出してください。 (国際自動車整備士学科・国際観光ビジネス学科・IT 学科出願の場合) ①日本語教育機関からの推薦書 ②日本語能力試験 (JLPT) N2 以上を合格した合否結果通知書 ③日本語能力についてはご相談ください	○	○
B-5	Certificate of graduation (expected) from Japanese school, certificate of grades and attendance Giấy chứng nhận tốt nghiệp trường tiếng Nhật (hoặc dự định), bảng điểm, giấy chứng nhận điểm danh. 日本語学校の卒業(見込み)証明書、成績・出席証明書	(Only for applications for the Department of International car Mechanic and the Department of International Tourism Business, Department of IT) Please submit the original graduation certificate of a Japanese language institution in Japan. *If you are expected to graduate, please submit a certificate of expected graduation. (Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế, Khoa kinh doanh du lịch quốc tế, Khoa Công nghệ thông tin) Vui lòng nộp bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp của cơ quan giáo dục tiếng Nhật.v.v tại Nhật Bản. *Nếu bạn dự kiến tốt nghiệp, vui lòng nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp dự kiến. (国際自動車整備士学科・国際観光ビジネス学科・IT 学科出願の場合のみ) 日本国内の日本語教育機関等の卒業証明書の原本を提出してください。 ※卒業見込みの者は、卒業見込み証明書を提出してください。	○	△
B-6	Residence Card (Copy) Thẻ cư trú (bản sao) 在留カード(コピー)	(Only for applications for the Department of International car Mechanic and the Department of International Tourism Business, Department of IT) Copy both sides of Omoteura. (Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế, Khoa kinh doanh du lịch quốc tế, Khoa Công nghệ thông tin) Copy cả mặt trước và mặt sau. (国際自動車整備士学科・国際観光ビジネス学科・IT 学科出願の場合のみ) 表裏の両面をコピーしてください。		
B-7	Official TOEIC Score Certificate (Copy) Chứng chỉ chính thức điểm thi Toeic (bản sao) TOEIC スコア公式認定証 (コピー)	Applicants to the International Tourism Business Department who demonstrate sufficient English proficiency may be eligible for a reduction in the admission fee of 50,000yen. Those who wish to be considered should submit a copy of their official TOEIC score certificate. A score of 500 or higher is recommended as a guideline. Phí nhập học 50,000yen, sẽ được giảm nếu ứng viên của Khoa Kinh doanh Du lịch Quốc tế được công nhận là có trình độ tiếng Anh. Vui lòng nộp bản sao điểm TOEIC chính thức của bạn. Điểm mục tiêu là 500 điểm trở lên. 国際観光ビジネス学科応募者で英語力があると認められた場合、入学金を 5 万円減免します。希望者は TOEIC 公式認定証のコピーを提出してください。目安は 500 点以上です。		

Documents prepared by the financial sponsor

Giấy tờ do người bảo lãnh tài chính chuẩn bị

経費支弁者が準備する書類

Number Mã số 番号	Document Tên hồ sơ 書類名	Name Precautions Điểm lưu ý 留意点	Residents of Japan Cư dân Nhật Bản 日本国内在住者	Residents outside Japan Cư dân bên ngoài Nhật Bản 日本国外在住者
C-1	Copy of ID or Certificate of Family Relationship Giấy chứng nhận thân nhân hoặc bản sao giấy tờ tùy thân 身分証明書(コピー) または家族関係証明書	Please submit a copy of the financial supporter's identification card or a document that has been certified by a public institution regarding the relationship between the applicant and the financial supporter (parent-child relationship or kinship relationship), such as a family register or a certificate of kinship. Vui lòng nộp các giấy tờ do cơ quan nhà nước cấp như : Giấy tờ tùy thân của người hỗ trợ tài chính, hoặc các giấy tờ như sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận mối quan hệ thân nhân (như bố mẹ và con cái, gia đình).v.v giữa người nộp đơn và người hỗ trợ tài chính này. 経費支弁者の身分証明書のコピーまたは、戸籍、親族関係証明書等、申請人と経費支弁者との関係性(親子関係や親族関係)について、公的機関から立証された書類を提出してください	-	○
C-2	Certificate of Residence Giấy cư trú 住民票	Please submit a document that lists all members of the same household. (Issued within the last 3 months) Vui lòng nộp bản có thông tin của tất cả các thành viên (được cấp trong vòng 3 tháng gần nhất) 同一世帯全員が記載されたものを提出してください。(3ヶ月以内発行のもの)	○	-
C-3	Certificate of Employment Giấy chứng nhận việc làm 在職証明書	Submit a document issued by the sponsor's employer or a public authority that can prove their occupation. Giấy này có thể do cơ quan đang làm việc, hoặc cơ quan nhà nước cấp. 経費支弁者の勤務先、または職業を立証できる公的機関から発行された証明文書を提出してください。	○	○
C-4	Certificate of Deposit Balance (Original) Giấy chứng nhận số dư tài khoản tiết kiệm (bản gốc) 預金残高証明書 (原本)	Submit the original certificate of deposit issued by the bank. Vui lòng nộp bản chính do ngân hàng cấp. 銀行が発行した預金残高証明書の原本を提出してください。	○	○

Notes

1. Please sign the entry with your own handwriting (no substitute handwriting). In addition, please attach a Japanese translation to all documents written in a language other than Japanese. Please include the translator's name and contact information in the translation.
2. Documents that clearly state "issued within 3 months" must be issued within 3 months from the month in which they are submitted to the Hiroshima Immigration Bureau.
3. If you are currently in school, please submit a certificate of enrollment, and if you are currently employed or have a work history, please submit a certificate of employment.
4. If you have applied in the past, please submit an explanation of the contents of your application.
5. Documents and copies of documents must be A4 size.
6. If there are any false statements or inconsistencies in the submitted documents, it will be considered "Rejected".

Những điểm chú ý

1. Tất cả những giấy tờ trên phải do chính người làm đơn viết và kí (không được phép viết hoặc kí thay). Những giấy tờ bằng tiếng Việt đều phải kèm theo bản dịch tiếng Nhật có công chứng có ghi rõ tên và địa chỉ liên hệ.
2. Cần nộp các loại giấy tờ yêu cầu “phải được cấp trong vòng 3 tháng trước ngày nộp đơn” trong vòng 3 tháng kể từ tháng nộp giấy tờ cho Cục xuất nhập cảnh Hiroshima
3. Nếu bạn hiện đang theo học tại trường, vui lòng nộp giấy chứng nhận đăng ký; nếu bạn hiện đang làm việc hoặc có kinh nghiệm làm việc, vui lòng nộp giấy chứng nhận việc làm.
4. Nếu bạn đã nộp đơn trước đây, vui lòng gửi giải thích về nội dung đơn đăng ký, v.v.
5. Tất cả các loại giấy tờ photo, bản sao đều phải in trên khổ giấy A4
6. Nếu phát hiện có sự gian dối trong hồ sơ, nhà trường sẽ hủy giấy cho phép nhập học.

注意事項

1. 記入するものには自筆で署名してください(代筆不可)。また日本語以外で記載されている書類の全てに日本語の翻訳文を添付してください。翻訳文には、翻訳者の氏名・連絡先を明記してください。
2. 「3ヶ月以内に発行のもの」と明記してある書類は、広島出入国在留管理局に提出する月より3ヶ月以内に発行されたものを提出してください。
3. 在学中の方は在学証明書、在職中の方、職歴がある方は在職証明書を提出してください。
4. 過去に出願歴がある場合は、出願内容等の説明書を提出してください。
5. 書類、書類のコピーはA4サイズに統一してください。
6. 提出書類に虚偽の記載があったり、内容に矛盾がある場合は「不合格」となります。

Contact information/ Application document submission location

Thông tin liên hệ/Địa điểm nộp hồ sơ ứng tuyển

お問い合わせ・出願書類提出先

Incorporated Educational Institution Tsubouchi School
Vocational College
Tsubouchi Integrated Business College Matsue International Campus

75-12 Higashiasahimachi, Matsue, 690-0001
TEL +81-852-31-5500
E-mail ryugaku@sctg.ac.jp

Pháp nhân trường học – Hệ thống giáo dục tư thực Tsubouchi
Trường Cao Đẳng Kinh Doanh Tổng hợp Tsubouchi Khuôn
viên trường quốc tế Matsue

75-12 Higashi Asahi machi, Matsue-shi, Shimane-ken 690-0001, Japan
TEL +81-852-31-5500
E-mail ryugaku@sctg.ac.jp

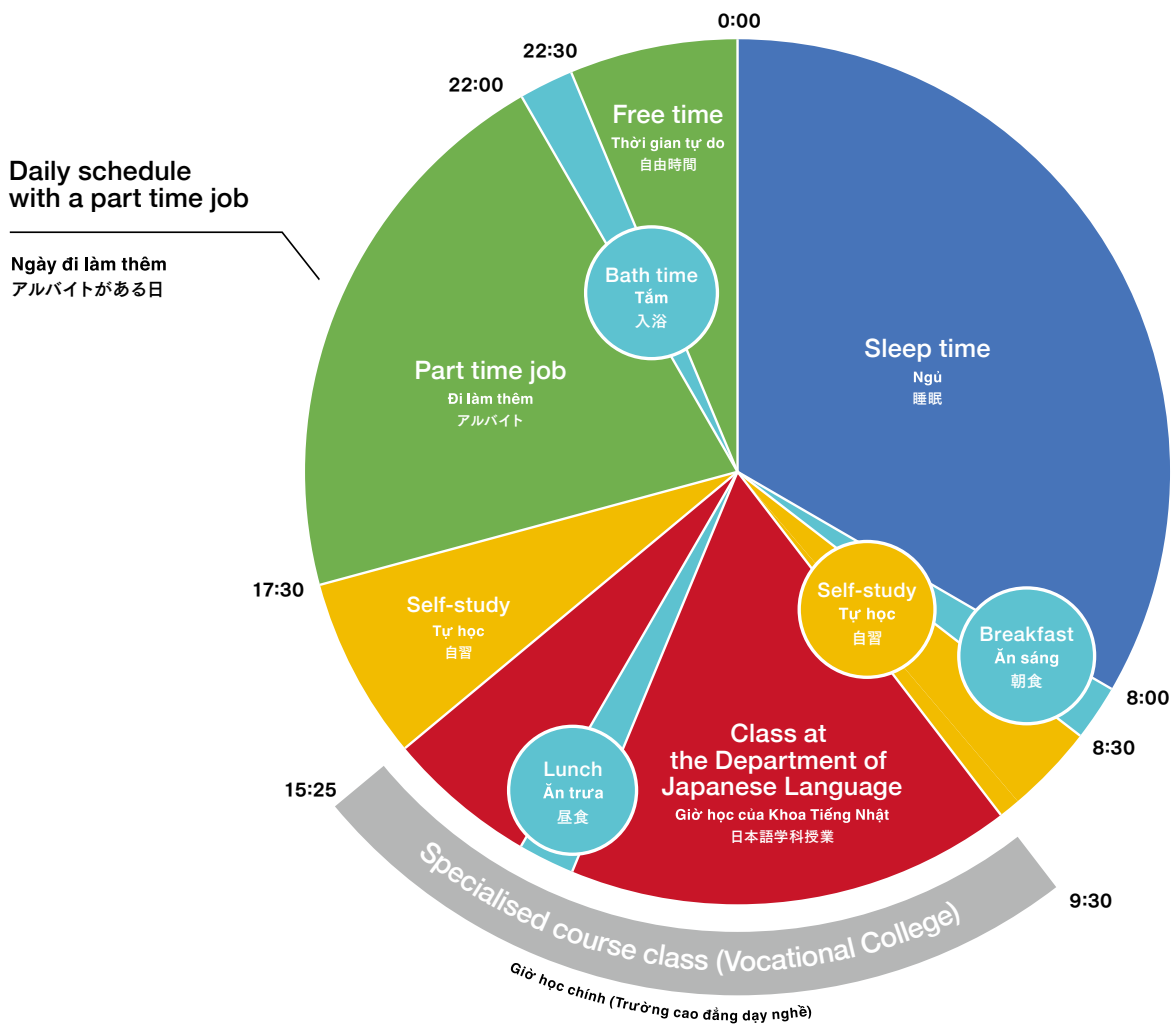
学校法人 坪内学園
専門学校 坪内総合ビジネスカレッジ
松江国際キャンパス

〒690-0001 島根県松江市東朝日町75-12
TEL +81-852-31-5500
E-mail ryugaku@sctg.ac.jp

Example of a 1 Day Schedule

Ví dụ về lịch trình 1 ngày

1日の予定



Part Time Job

Our school will introduce you to a part time job upon request and support your adjustment to the lifestyle of studying abroad.

Part time jobs do not require a high level of Japanese skill : There are restaurants near the school as well as a big shopping mall and factories that provide working opportunities.

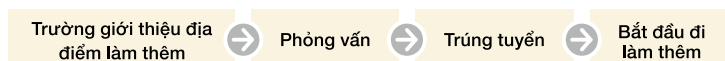
The process of starting a part time job



Làm thêm

Nhà trường sẽ giới thiệu việc làm thêm cho học viên, hỗ trợ cuộc sống của lưu học sinh. Những địa chỉ làm thêm cho học viên mới chỉ có trình độ tiếng Nhật sơ cấp: Học viên có thể làm ở các cửa hàng ăn, các trung tâm mua sắm lớn, các nhà máy ở xung quanh trường học..

Quy trình cho đến khi bắt đầu đi làm thêm



アルバイト

当校は、学生の希望に応じてアルバイトを紹介し、留学生生活をサポートします。日本語初級レベルでも働けるアルバイト先: 学校周辺の飲食店、大型ショッピングモール、工場 など

アルバイト開始までの流れ



Yearly schedule

Kế hoạch năm

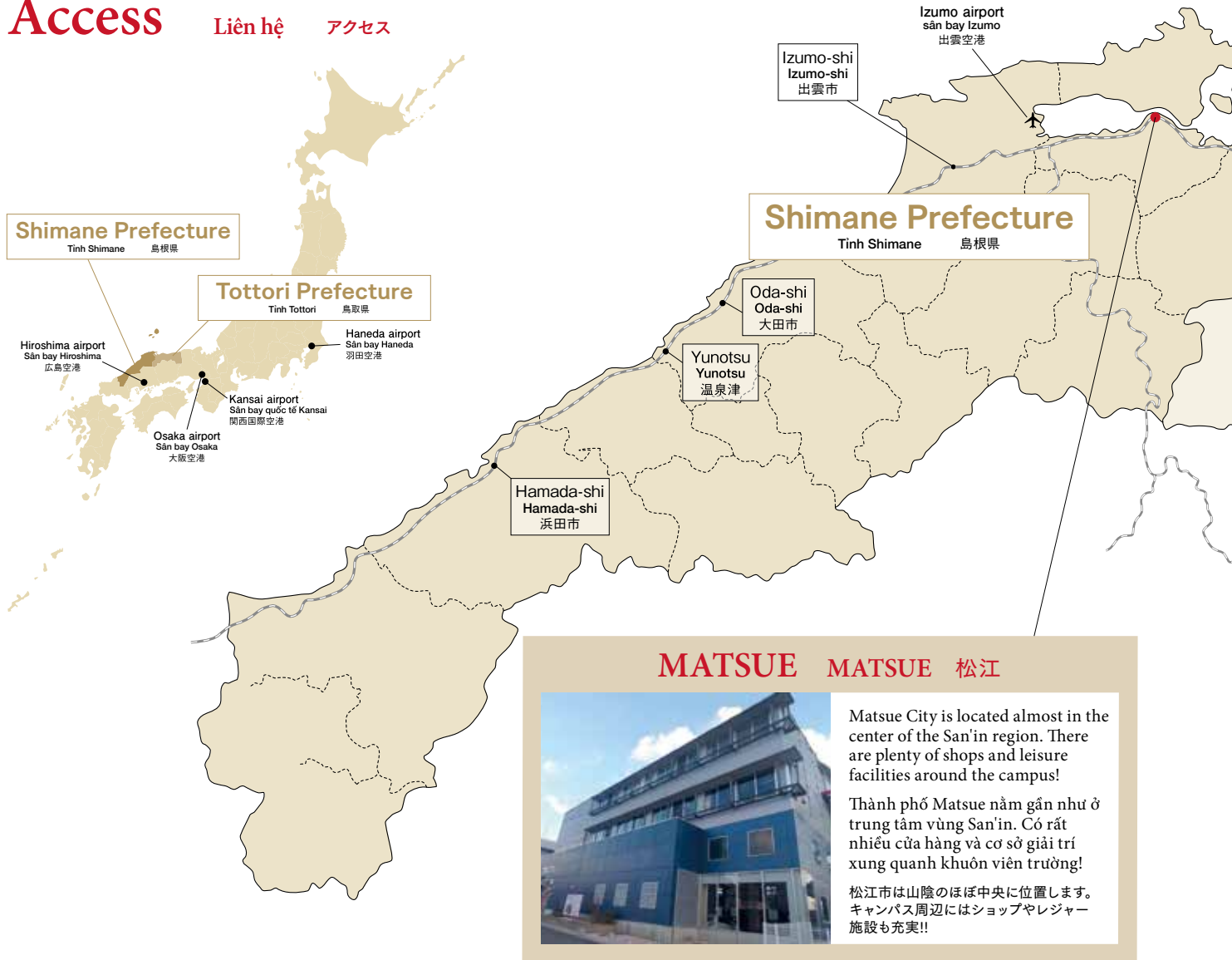
年間スケジュール

4 April	- Entrance ceremony for students starting from April - Medical check up	- Lễ khai giảng vào tháng 4 - Kiểm tra sức khỏe	● 4月生入学式 ● 健康診断
5 May			
6 June	- Evacuation drill - Sports competition	- Huấn luyện cho việc lánh nạn - Đại hội thể thao	● 避難訓練 ● スポーツ大会
7 July	JLPT	JLPT	● JLPT
8 August	Summer holiday	Kỳ nghỉ hè	● 夏季休暇
9 September	First semester examination	Bài kiểm tra kỳ đầu	● 前期試験
10 October	- School festival - Entrance ceremony for students starting from October	- Lễ hội nhà trường - Lễ khai giảng tháng 10	● 学園祭 ● 国際日本語学科 10月生入学式
11 November			
12 December	- JLPT - Excursion	- JLPT - Đi chơi, dã ngoại	● JLPT ● 校外学習
1 January	Winter holiday	Kỳ nghỉ đông	● 冬季休暇
2 February	- Entrance ceremony for students starting from January - New Year's event - Speech competition - Second semester examination - Award ceremony, graduation ceremony	- Lễ khai giảng tháng 1 - Sự kiện năm mới - Cạnh tranh phát biểu - Bài kiểm tra cuối kỳ - Lễ trao giải, lễ tốt nghiệp	● 国際日本語学科1月生入学式 ● お正月イベント ● スピーチ大会 ● 後期試験 ● 各賞授与式、卒業式
3 March	Spring holiday	Kỳ nghỉ xuân	● 春季休暇



Access

Liên hệ アクセス



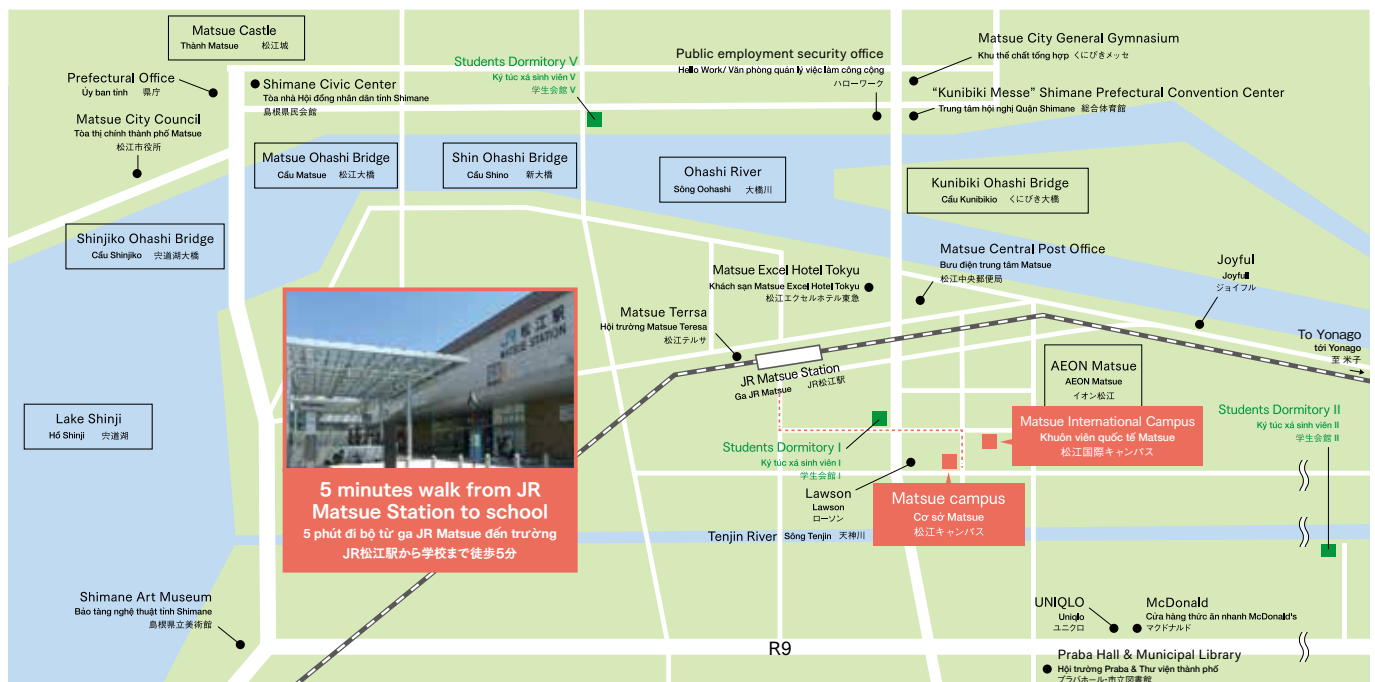
MATSUE International Campus

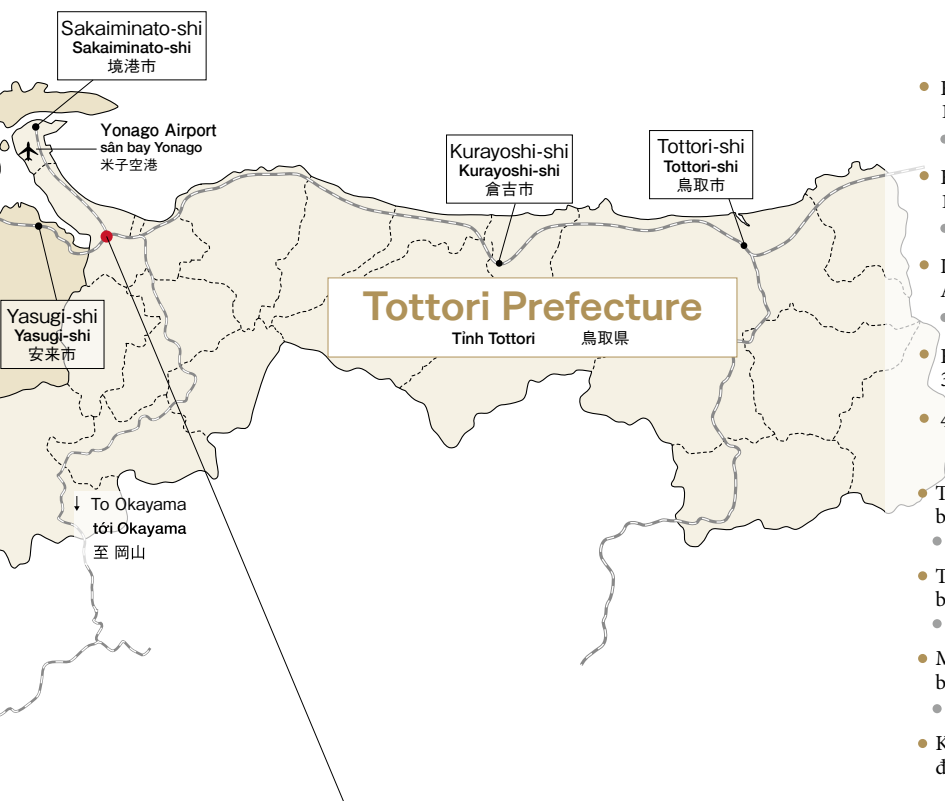
Khuôn viên trường quốc tế Matsue

松江国際キャンパス

Department: Department of International Japanese Language, Department of International Tourism Business, Department of International car Mechanic
Khoa: Khoa tiếng nhật quốc tế, Khoa kinh doanh du lịch quốc tế, Khoa bảo dưỡng ô tô quốc tế

設置学科: 国際日本語学科・国際観光ビジネス学科・国際自動車整備士学科





- From Haneda airport to Izumo airport: 1hour 20minutes by airplane.
- From Izumo airport to Matsue station: 30minutes by bus.
- From Haneda airport to Yonago airport: 1 hour 20minutes by airplane.
- From Yonago airport to Matsue station: 40minutes by bus.
- It takes about 1 hour by bus from Kansai International Airport to Osaka Airport. 50 minutes by plane from Osaka Airport to Izumo Airport.
- From Izumo airport to Matsue station: 30minutes by bus.
- From Hiroshima airport to Matsue station: 3hours by bus (highway bus)
- 40 minutes by train from Yonago Station to Matsue Station.
- Từ sân bay Haneda đến sân bay Izumo, bay hết 1 tiếng 20 phút.
- Từ sân bay Izumo đến ga Matsue bằng xe bus hết 30 phút.
- Từ sân bay Haneda đến sân bay Yonago, bay hết 1 tiếng 20 phút.
- Từ sân bay Yonago đến ga Matsue bằng xe bus hết 40 phút.
- Mất khoảng 1 giờ đi xe buýt từ Sân bay Quốc tế Kansai đến Sân bay Osaka. 50 phút đi máy bay từ Sân bay Osaka đến Sân bay Izumo.
- Từ sân bay Izumo đến ga Matsue bằng xe bus hết 40 phút.
- Khoảng 4 giờ đi xe buýt tốc hành từ Sân bay Hiroshima đến Ga JR Matsue.
- Khoảng 40 phút đi tàu từ Ga Yonago đến Ga Matsue.

YONAGO YONAGO 米子



Yonago Campus is on the third floor of the shopping center in front of Yonago Station. There is also a food court, supermarket, and Hello Work within the center.

Cơ sở Yonago nằm trên tầng ba của trung tâm mua sắm phía trước ga Yonago. Ngoài ra còn có khu ẩm thực, siêu thị và Hello Work trong trung tâm.

米子キャンパスは、米子駅前ショッピングセンターの3階部分。センター内にフードコート、スーパー、ハローワークなどもあります。

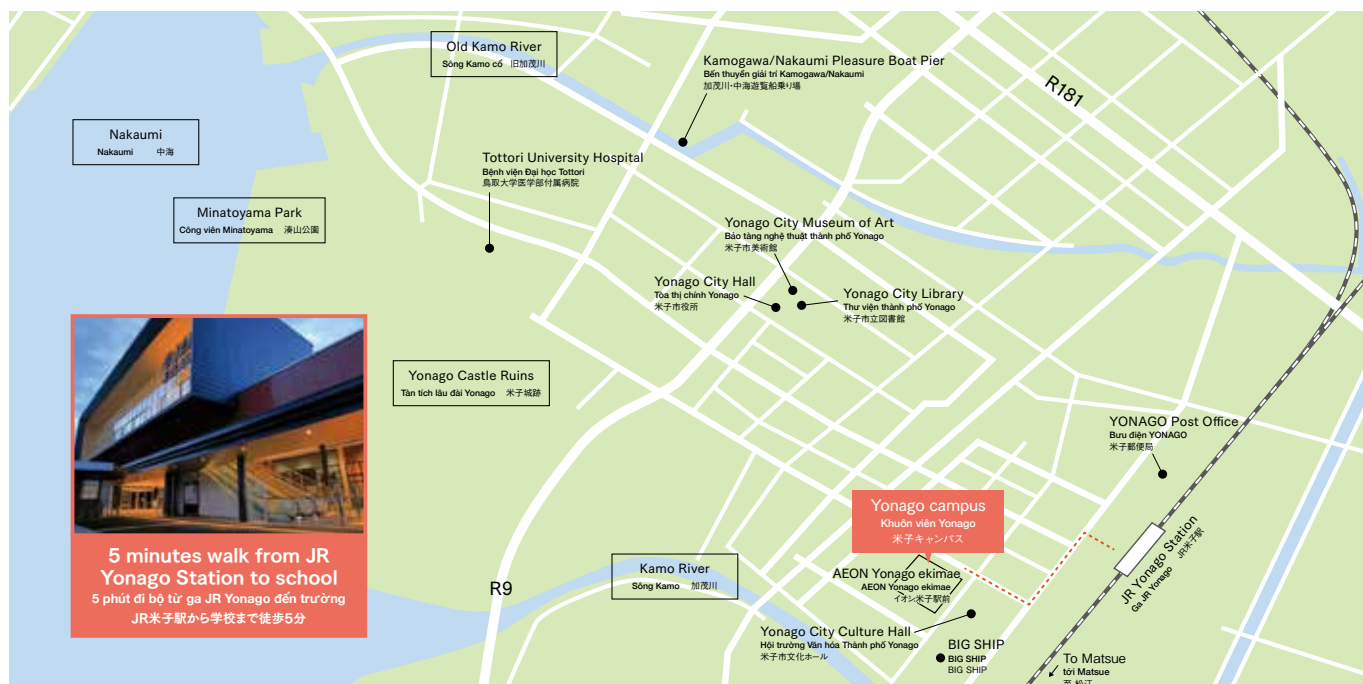
- 羽田空港から出雲空港まで、飛行機で1時間20分。
- 出雲空港から松江駅までバスで30分
- 羽田空港から米子空港まで、飛行機で1時間20分。
- 米子空港から松江駅までバスで40分
- 関西国際空港から大阪空港までバスで約1時間。
- 大阪空港から出雲空港まで飛行機で50分。
- 出雲空港から松江駅までバスで30分
- 広島空港からJR松江駅まで、高速バスで4時間。
- 米子駅から松江駅まで電車で40分。

YONAGO Campus

Khuôn viên YONAGO

米子キャンパス

Department: Department of IT
Khoa: Khoa Công nghệ thông tin
設置学科: IT学科



にゅうがくがんしよ りゅうがくせいよう
入学願書 (留学生用)

しほうがっか 志望学科		
☐ 国際自動車整備士学科 Department of International Car Mechanic	☐ 国際観光ビジネス学科 Department of International Tourism Business	☐ IT学科 Department of IT
☐ 国際日本語学科 Department of International Japanese Language		
☐ 4月入学 2年コース April 2years	☐ 10月入学 1.6年コース October 1.6years	
☐ 1月入学 1.3年コース January 1.3years		

し めい 氏 名 Name	Surname		Given name		写真貼付 30mm×40mm 以上 42mm×50mm 以下 ※ 裏面に氏名を記入する
	カタカナ				
せいねんがっぴ 生年月日 Date of Birth		ねんれい 年齢 Age			
せい べつ 性 別 Sex		おとこ 男 M	おんな 女 F	こくせき 国籍 Nationality	
しよくぎよう 職 業 Occupation				はいぐうしや 配偶者 Marital status	
				あり 有 Married	
				なし 無 Single	
げんじゅうしよ 現住所 Current address					
しゅつせいち 出生地 Place of birth					
れんらくさき 連絡先 Contact address		TEL			
		E-mail			
		Teams ID			
りよけんばんごう 旅券番号 Passport No.				ゆうこうきげん 有効期限 Date of expiration	年 月 日 Y M D
にほんごがくしゅうれき 日本語学習歴 Japanese Language Education History					
きかんめい 機関名 Organization		がくしゅうきかん 学習期間 Study period			
しよざいち 所在地 Location					
ぼこく 母国 Home country			年 月 ~ 年 月 Y M Y M	じかん 時間 hours	
にほん 日本 Japan			年 月 ~ 年 月 Y M Y M	ねん 年 Years	

Vocational College Tsubouchi Integrated Business College

日本語能力 Japanese Language Proficiency				
試験名 Exam name	受験年月 Exam date	レベル・点数 level	結果 result	
	年 月			
	年 月			
学歴 (小学校～最終学歴) Education History(From elementary school to last institution of education)				
	学校名 Name of school	入学 Enrollment	卒業 Graduation	就学年数 Period
小学校 Elementary school		年 月	年 月	年 Years
中学校 Junior high school		年 月	年 月	年
高校 High school		年 月	年 月	年
短大 / 大学 College/University		年 月	年 月	年
その他 Other		年 月	年 月	年
最終学歴の GPA Grade Point of Average(GPA) of last institution of education		合計 Total	年 Years	
職歴 Employment History				
会社名 Name of Company	在職期間 Employment period		職種 Occupation	
	年 月 ～ 年 月			
	年 月 ～ 年 月			
日本にいる家族 Family in Japan				
氏名 Full name	続柄 Relation	電話番号 Tel		
卒業後の予定 Future plans after graduation				
☐ 帰国 Back to Home country ☐ 就職 Employment in Japan ☐ その他 Other ☐ 日本での進学 Higher Education in Japan ☐ 大学 University ☐ 短期大学 Junior college ☐ 専門学校 Vocational school 学校名 _____ 学科 _____ Name of School _____ Name of Department _____				

以上のことは、すべて真実であることを誓います。I hereby certify that the above information is correct.

日付 _____年 _____月 _____日 出願者署名 _____

し ぼう り ゆう しょ
志 望 理 由 書

1. 本校への入学を希望した理由について、詳しく書いてください。

2. 本校でどんなことをがんばりたいですか。そして、将来はどんな仕事をしたいですか。

以上のことは、すべて真実であることを誓います。I hereby certify that the above information is correct.

日付 _____ 年 ____ 月 ____ 日

出願者署名 _____

けいひしべんしよ
経費支弁書

にほんこくほうむだいじんどの
日本国法務大臣殿 TO THE MINISTER OF JUSTICE,JAPAN

がくせいしめい 学生氏名 Applicant's full name			せいべつ 性別 Sex	☐ 男性 Male ☐ 女性 Female
こくせき 国籍 Nationality		せいねんがっぴ 生年月日 Date of Birth (Y/M/D)		

わたしは、この度上記の者が日本国に在留中/入国した場合の経費支弁者になりましたので、下記の通り経費支弁の引き受け経緯を説明するとともに、経費支弁について誓約します。

I hereby certify that I will act as a sponsor of the applicant, and will give an explanation regarding the procedure of all expenses during the period of his/her/my stay in Japan.

1. 経費支弁の引き受け経緯（申請者の経費の支弁を引き受けた経緯及び申請者との関係について具体的に記載してください。）

Explanation of reasons for financial sponsorship and relationship to the applicant in detail.

2. 経費支弁内容

わたしは、上記の者の日本国滞在について、下記の通り経費支弁することを誓約します。また、上記の者が在留期間更新申請を行う際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）の写し等で生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

How to pay all expenses

I hereby certify that I will cover all expenses incurred by the applicant during his/her/my period of stay. Furthermore,I will, at the time of renewal of applicant's visa, submit the financial documents necessary such as proof of remittance ,bank statement, record of pertinent transactions, etc.

がくひ 学費 School expenses	ねんかん 年間 (per year)	_____ 円(yen)
	うちわけ 内訳(Breakdown)	
	にゅうがくけんていりょう 入学検定料(Entrance examination)	_____ 円(yen)
	にゅうがくきん 入学金(Enrolment)	_____ 円(yen)
	じゅぎょうりょう 授業料(Tuition fee)	_____ 円(yen)
	しよけいひ 諸経費(Other fees)	_____ 円(yen)

生活費 Living expenses	月間(Per month) _____ 円(yen)
支弁方法 (複数選択可) Method of support (Multiple answers)	☐ 申請者負担 Self-pay ☐ アルバイト収入 Income from part-time job ☐ 外国からの送金 Remittance from overseas ☐ 外国からの携行 Carrying from overseas ☐ 在日支弁者から申請者の口座へ振り込み Bank transfer to the applicant's bank account from the guarantor living in Japan

以上のことは、すべて真実であることを誓います。

I hereby certify that the above information is correct.

日付	_____年	_____月	_____日
Date	Y	M	D

支弁者氏名 Sponsor's full name	印鑑 Signature		
支弁者住所 Sponsor's address			
学生との関係 Relationship with the applicant		電話番号 Tel	
職業 Occupation		年収 Annual income	



Incorporated Educational Institution Tsubouchi School



Vocational College Tsubouchi Integrated Business College (Matsue Campus)

74 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-26-8000 FAX 0852-26-8500
[E-mail] bijisen@sctg.ac.jp
[URL] <https://bijisen.tsubouchigakuen.jp/>



Tsubouchi Abacus school

74 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-25-1144 FAX 0852-25-1145
[E-mail] sorobsn@sctg.ac.jp
[URL] <https://soroban.tsubouchigakuen.jp/>



Vocational College Tsubouchi Integrated Business College (Matsue International Campus)

74-12 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-31-5500 FAX 0852-31-5511
[E-mail] sicc@sctg.ac.jp
[URL] <https://bijisen.tsubouchigakuen.jp/>



Tsubouchi English school

74 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-25-1147 FAX 0852-25-1145
[E-mail] eigo@sctg.ac.jp
[URL] <https://eikaiwa.tsubouchigakuen.jp/>



Vocational College Tsubouchi Integrated Business College (Yonago Campus)

3rd floor Yonago station shopping center
311 Suehiro Town, Yonago city, 683-0043
[E-mail] bijisen@sctg.ac.jp
[URL] <https://bijisen.tsubouchigakuen.jp/>



After-school Childcare Center in Tsubouchi Gakuen · Adakae

5-5-4, Iunan, Higashiizumo Town, Matsue city, 699-0108
TEL 0852-61-1321 FAX 0852-61-1322
[E-mail] tgjidou@sctg.ac.jp
[URL] <https://gakudou.tsubouchigakuen.jp/>



Tsubouchi job support

74 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-31-1500 FAX 0852-31-1501



Early Childhood Education & Care Center attached to Tsubouchi Gakuen

74-2 Higashiasahimachi, Matsue city, 690-0001
TEL 0852-31-5505 FAX 0852-31-5507
[E-mail] tgkodomomo@sctg.ac.jp
[URL] <https://hoiku.tsubouchigakuen.jp/>



Tsubouchi Gakuen Vietnam Representative Office

Villa A3, 73 Van Bao, Ngoc Khanh, Ba Dinh,
Ha Noi City, Vietnam





Incorporated Educational Institution Tsubouchi School

Vocational College

Tsubouchi Integrated Business College Matsue International Campus

Pháp nhân trường học - Hệ thống giáo dục tư thục Tsubouchi

Trường Cao Đẳng Kinh Doanh Tổng hợp Tsubouchi Khuôn viên trường quốc tế Matsue

学校法人 坪内学園 専門学校 坪内総合ビジネスカレッジ 松江国際キャンパス

[School for vocational practical course accredited by Minister of MEXT]

75-12 Higashiasahimachi, Matsue, 690-0001

E-mail ryugaku@sctg.ac.jp TEL +81-852-31-5500

[Bộ Khoa học Giáo dục công nhận - Trường Cao đẳng đào tạo nghề chuyên nghiệp]

75-12 Higashi Asahi machi, Matsue-shi, Shimane-ken 690-0001, Japan

E-mail ryugaku@sctg.ac.jp TEL +81-852-31-5500

[文部科学大臣認定 職業実践専門課程認定校]

〒690-0001 島根県松江市東朝日町75-12

E-mail ryugaku@sctg.ac.jp TEL +81-852-31-5500

<https://bijisen.tsubouchigakuen.jp/>



International Entrance Examination Center

Trung tâm kiểm tra đầu vào quốc tế

国際入試センター

+81-852-31-5500

E-mail ryugaku@sctg.ac.jp